

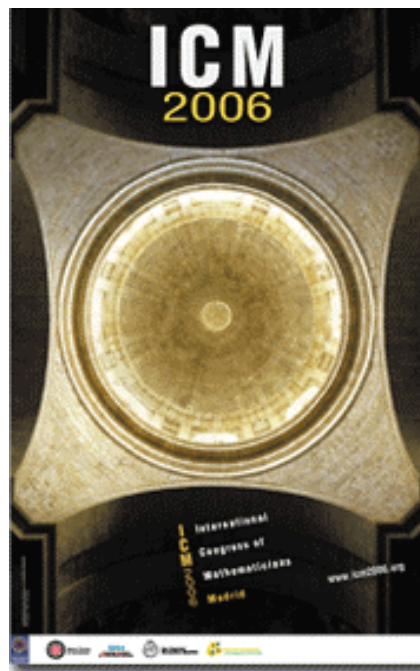
HỘI TOÁN HỌC VIỆT NAM



THÔNG TIN TOÁN HỌC

Tháng 6 Năm 2006

Tập 10 Số 2



Lưu hành nội bộ

Thông Tin Toán Học

- Tổng biên tập:

Lê Tuấn Hoa

- Ban biên tập:

Phạm Trà Ân
Nguyễn Hữu Dư
Lê Mậu Hải
Nguyễn Lê Hương
Nguyễn Thái Sơn
Lê Văn Thuyết
Đỗ Long Vân
Nguyễn Đông Yên

- Bản tin **Thông Tin Toán Học** nhằm mục đích phản ánh các sinh hoạt chuyên môn trong cộng đồng toán học Việt nam và quốc tế. Bản tin ra thường kì 4-6 số trong một năm.

- Thể lệ gửi bài: Bài viết bằng tiếng việt. Tất cả các bài, thông tin về sinh hoạt toán học ở các khoa (bộ môn) toán, về hướng nghiên cứu hoặc trao đổi về phương pháp nghiên cứu và giảng dạy đều được hoan nghênh. Bản tin cũng nhận đăng các bài giới thiệu tiềm năng khoa học của các cơ sở cũng như các bài giới thiệu các nhà

toán học. Bài viết xin gửi về toà soạn. Nếu bài được đánh máy tính, xin gửi kèm theo file (đánh theo ABC, chủ yếu theo phong chữ .VnTime, hoặc unicode).

- Mọi liên hệ với bản tin xin gửi về:

*Bản tin: **Thông Tin Toán Học**
Viện Toán Học
18 Hoàng Quốc Việt, 10307 Hà Nội*

e-mail:

hthvn@math.ac.vn

© Hội Toán Học Việt Nam

HENRI POINCARÉ: Cuộc đời phục vụ khoa học

(Phần 2)

Jean Mawhin

Khoa học triết học và tiếng Pháp hàn lâm

Bên cạnh những công việc kỹ thuật, Poincaré cũng thường viết các bài báo phổ biến khoa học và cho tạp chí triết học. Ông thảo luận về vai trò của logic trong Toán học, sự ra đời của Lý thuyết tập hợp, cơ sở của Số học, Hình học, Cơ học và những phát triển gần đó về Vật lý. Vào năm 1902, biên tập viên Flammarion thuyết phục Poincaré thu thập và chuẩn bị những tư liệu này cho bộ từ điển nhiều tập nổi tiếng của ông về triết học của khoa học. Tập đầu tiên *Khoa học và Giá thuyết*, được xuất bản năm 1902, sau đó là *Giá trị của khoa học* năm 1905 và *Khoa học và phương pháp* năm 1908. Tập cuối cùng *Suy nghĩ* năm 1913 xuất bản khi ông mất và tập năm còn dở dang được xuất bản năm 2002. Bốn tập đầu đóng bìa màu da cam, được in đi in lại nhiều lần và được dịch ra nhiều thứ tiếng khác nhau. Phong cách viết dí dỏm khác với những quyển sách triết học thông thường ở chỗ ông thường xuyên dẫn ra một lời châm biếm sắc sảo và một khẩu vị cho các nghịch lý. Nhiều nhà triết học gặp khó khăn để hiểu cách viết luôn thay đổi và lối suy nghĩ tự phê của các quyển sách này, lối này bác bỏ việc tóm lược thế giới vào một ý tưởng đơn lẻ. Chủ nghĩa khoa học bảo vệ ý tưởng về một mô hình “thuận tiện” bị một nhà khoa học hàng đầu phê phán và chỉ những người đọc nhận thức đầy đủ về những đóng góp khoa học của Ông mới hiểu đúng đắn. Những quyển sách phổ biến khoa học này đem lại cho Poincaré tiếng vang ngoài mong đợi. Ở Pháp những người theo quan điểm phi tôn giáo hóa trường học ở cấp 1 và cấp 2 đã tạo ra một trạng thái căng thẳng giữa những người thiên chúa giáo và những người cấp tiến. Khi thảo luận về sự tương đối trong các chuyển động cơ học, Poincaré viết:

Trong không gian tuyệt đối, tức là điểm cần thiết để nhờ đó ta biết trái đất thực sự chuyển động hay không, không tồn tại khách quan. Hai mệnh đề: □Trái đất quay□ và □Để cho thuận tiện ta giả sử trái đất quay□ có cùng một ý nghĩa, không cái nào hơn cái nào.

Trong giới những người theo đạo thiên chúa điều này biện hộ cho nhà thờ kết tội Galileo. Đúng là, Poincaré mất khá nhiều thời gian và năng lượng để bác bỏ lại cách hiểu thiên vị này.

Theo truyền thống lâu đời, Viện hàn lâm tiếng Pháp chọn lựa một số ít các nhà khoa học, những người đã tạo ra phong cách cho phát minh khoa học của họ, để giúp đỡ viết những định nghĩa của các từ khoa học cho từ điển được xuất bản bởi hiệp hội những nhà xuất bản. D’Alembert, Condorcet, Laplace, Fourier, Bertrand, Poincaré, và Picard là thành viên của Viện khoa học này. Sau khi Picard qua đời, năm 1941, không có nhà toán học nào được nhận vinh dự này, cho thấy rằng cộng đồng của chúng ta cần cẩn thận hơn nữa về phong cách. Henri Poincaré được lựa chọn vào năm 1908, ngôi ghế số 24, giữ chỗ trước đó của Sully-Prudhomme. Theo truyền thống, tại phiên chuyển giao vào Viện hàn lâm ngày 28-1-1909, Poincaré phải chuẩn bị một bài ca ngợi thơ ca. Câu chuyện sau được kể trong một ký sự của Andre Beaunier:

Ông ta trông giống như một nhà văn tâm cỡ, cũng giống như một nhà viết kịch hấp dẫn khán giả. Đại số có lẽ sẽ trở thành một mối trong mùa đông này. Nhà toán học sống động lớn nhất thế giới lại không đọc bài diễn văn của mình. Thành thạo, ông gây cảm giác rằng ông đang nghĩ về một cái gì đó nhưng khi ông nhận ra mình đang phiêu lưu, ông nói bằng một giọng rõ ràng và đời thường

hơn. Khi một trang được đọc xong, trông ông vui hơn và ném nhanh ra sau. Đến cuối bài diễn văn, ông lấy làm mãn nguyện ngồi lên đóng giấy đó.

Bài tán dương Sully-Prudhomme được ghi lại trong tuyển tập nhỏ tẻ nhẽ nhưng tù mù: Savants et écrivains (các nhà bác học và các nhà văn), trong đó phần mở đầu vẫn còn là cách mô tả đúng nhất của quan điểm Poincaré về hoạt động của một nhà khoa học. Sully-Prudhomme sinh ở Paris vào năm 1839. Đầu tiên bị khoa học lôi cuốn, nhưng rồi không được nhận vào Ecole Polytechnique do một mắt kém, ông đã nhận học vị cử nhân văn chương. Sau khi dịch Lucrece, ông đã mơ về một sự thống nhất giữa khoa học và thơ ca, và viết những bài thơ triết lý dài mang lại cho ông Giải thưởng Nobel đầu tiên về văn học năm 1901. Poincaré rất dí dỏm khi nhận xét:

Mọi người có lẽ sẽ ngạc nhiên khi biết rằng Sully-Prudhomme có một bản thảo dài về triết học trong toán học. Đường như ngay từ đầu ông ta đang cố bào chữa càng nhiều càng tốt cho sự hiện diện của tôi ở đây.

Thay vì tận dụng ưu thế của sự giúp đỡ không được mong đợi này, Poincaré đã phân tích cẩn thận thơ ca và triết học của Sully-Prudhomme, kết luận bằng cách nhấn mạnh những quan niệm triết học của riêng ông:

Nhưng tôi phải dừng lại vì trong triết học có quá nhiều từ kết thúc bằng □iste□ (đó là), và đám đông vô số thánh giả này làm tôi sợ hãi. Tâm hồn của một triết gia chân chính quả là một bãi chiến trường: đó không phải là một vương quốc thanh bình trong đó có một phòng chỉ dành riêng cho một chủ.

Poincaré và những công việc quần chúng

Câu chuyện Dreyfus nổi tiếng tạo cho Poincaré một cơ hội khác rời khỏi tháp ngà của mình. Vào năm 1894, Cục tình báo Pháp tìm thấy một bức thư chứa thông tin bí mật chuyển cho quân đội Đức đóng ở Paris. Một bằng chứng mờ mờ về kiểu chữ viết tay

dẫn đến việc bắt giữ một sĩ quan Pháp gốc Do Thái, Alfred Dreyfus. Ông ta bị tòa án quân sự xử oan, và bị đày tới Ile du Diable ở Ghinê. Nước Pháp nhanh chóng chia thành 2 phe: ủng hộ và phản đối Dreyfus. Sau một cuộc đấu tranh dài và kiên trì, một lần xử án lại diễn ra ở Rennes năm 1899. Chuyên gia cảnh sát nổi tiếng Bertillon đã dùng những kỹ thuật khoa học giả và lý thuyết xác suất trong phân tích hình dạng của thư tín. Ông ta kết luận bản luận tội như sau:

Theo tài liệu quan sát và sự nhất quán trong lý lẽ của tôi, không có chỗ nào đáng nghi ngờ, và đó không chỉ là lý thuyết mà còn là sự bảo đảm thực tế, bằng toàn bộ sự trung thực với những cảm giác và trách nhiệm cùng với sự chắc chắn tuyệt đối, hôm nay cũng như trong năm 1894, tôi thể bức thư là công việc của bị cáo.

Một lập luận kiểu triết lý như thế làm Poincaré không chịu nổi. Trong thư viết theo đề nghị của Painlevé và được đọc trước tòa, ông đã phản đối kịch liệt việc sử dụng lý thuyết xác suất trong kết luận của Bertillon:

Không có gì trong đó có bất cứ cơ sở khoa học nào. Tôi không hiểu liệu bị cáo có bị kết án hay không, nhưng nếu có phải dựa trên những chứng cứ khác. Những lập luận như vậy không thể gây một ấn tượng nào cho những người tự do tư tưởng và có giáo dục khoa học chắc chắn.

Nhưng tòa án quân sự lại một lần nữa tuyên bố Dreyfus phạm tội, lần này với một mức độ nhẹ hơn. Dreyfus nhận được lời xin lỗi của tổng thống, nhưng những người ủng hộ Dreyfus lại giành được quyền kháng cáo vào năm 1904. Poincaré đã công bố một bản báo cáo dài viết cùng Appell và Darboux như sau:

Tất cả những điều sau đã tước đoạt hoàn toàn giá trị khoa học của bản luận tội:

1. Việc ứng dụng lý thuyết xác suất cho những câu hỏi này là bất hợp pháp.
2. Việc xây dựng lại bản thư tín là sai.
3. Những nguyên tắc của lý thuyết xác suất không được áp dụng đúng.

Nói cách khác, các tác giả đã lập luận sai trên các tài liệu sai.

Đoạn cuối của thông báo này là một trang kín gồm 21 lý do được trình bày để biện minh cho quyết định của tòa, công khai tuyên bố Dreyfus vô tội và trả lại danh dự và lẽ phải cho ông ta.

Trái ngược với các nhà khoa học đương đại - như Painlevé, Hadamard, Borel, Perrin, hay Langevin - Poincaré luôn từ chối mọi hứa hẹn và bốn phận chính trị. Năm 1904, để phản ứng một cuộc thẩm vấn về kịch thời sự đã kích, ông đã diễn đạt quan điểm của mình về chính trị bằng một phong cách châm biếm thường thấy:

Chính trị ngày nay là một nghề nghiệp thu hút dân ông. Bất cứ nhà khoa học nào muốn cống hiến bản thân mình cho chính trị thì phải từ bỏ thiên hướng của mình. Nếu anh thực sự muốn có ích cho đất nước, anh phải dành một nửa thời gian của mình cho công việc của chính phủ, nếu anh muốn giữ ghế, anh phải dành nửa còn lại cho cử tri, không còn thời gian cho khoa học. Do đó sẽ là không tốt nếu mọi nhà khoa học đều có mục đích ở nghị viện, bởi sau đó sẽ không còn nhà khoa học nào nữa. Mọi người có thể bị cách chức, nhưng đối với bản thân khoa học, sự hy sinh từng giờ từng phút của mỗi chúng ta để hiểu hơn là cho đám đông và sự hội họp. Sau cùng, khoa học cần người đó bảo vệ được nguyện vọng của mình.

Nhưng Poincaré không hề từ chối bất cứ bốn phận và trách nhiệm trong việc tổ chức và quản lý khoa học. Danh sách những chức vụ trong việc này dài đến hai trang giấy. Nhà thiên văn học J. Levy bày tỏ sự tiếc nuối của mình về những thời gian Poincaré đánh mất cho những hoạt động này, đặc biệt là 10 năm cuối trong cuộc đời của ông:

Có lẽ chúng ta nên nuối tiếc rằng, từ thời điểm này, sự gia tăng những bốn phận nặng nề mà ông tận tình chấp nhận khiến ông còn lâu có thời gian để trau chuốt cho công trình của mình. Ông dành một phần tốt nhất của mình cho một số viện hàn lâm, hội đồng, ban bộ. Ông hủy hoại bản thân trong những nhiệm vụ không thích hợp với ông. Ví dụ, với tư cách là chủ tịch ủy ban ông đã cống hiến hết mình cho việc tổ chức lại cung kính tuyến ở Quito, tự bản thân ông viết tất cả các bản

tin tương ứng từ 1901 đến 1905. Vào năm 1900, ông thảo luận về việc tiết kiệm có thể phải làm khi mua she-mules; năm 1902, các đo đạc cầu cho sự hư hại của các tín hiệu trắc địa bởi người Ấn Độ; năm 1905, việc tái tạo lại các bức ảnh màu của sâu bọ được tìm thấy bởi cuộc thám hiểm.

Danh tiếng của ông và sự thu hút những sự kiện trên bầu trời khiến cho đám đông liên tục bủa vây quanh ông. Khi năm mưa khác thường 1910 được gắn với việc đi qua của sao chổi, Poincaré đã phản ứng lại một cách hóm hỉnh bằng cách gắn việc sản xuất rượu ngon với sự hiện diện của sao chổi, chứ không phải là nước.

Poincaré và khoa học

Một số người đọc thiên cận làm rối rắm những ý tưởng triết học của Poincaré về khoa học. Ông được gọi là người theo thuyết quy ước với một sự hoài nghi về khoa học. Mọi điều chúng ta vừa nói về ông mâu thuẫn với nhận định này và chứng minh nhà toán học Pháp có những cảm xúc sâu sắc và hoàn toàn cống hiến cho khoa học. Như Emile Borel viết năm 1954:

Một số người đã xem Poincaré là một người hoài nghi, trong khi một số người khác lại xem ông là người đi trước trong phương pháp tiên đề. Nhưng có lẽ ông sẽ từ chối gia nhập bất cứ môn phái nào, thậm chí môn phái đó đi theo suy nghĩ của ông. Đối với ông, phẩm chất của một nhà khoa học phải được tổng hợp theo một luật lệ của đạo lý thông thường: mục đích biện minh cho phương tiện. Mục đích là sự hiểu biết vũ trụ. Đó là sự nhất quán của những kết quả bằng số thu được từ công thức và các số do các nhà vật lý và thiên văn viết ra trong những quyển sách quan trắc của họ. Phương tiện, đối với nhà toán học, là các công thức và ngôn ngữ mà anh ta có quyền tạo ra trong công việc của mình.

Poincaré thể hiện cảm xúc mạnh mẽ với tự do trong khoa học. Năm 1909 khi ông được bầu làm tiến sỹ danh dự, tại lễ

kỷ niệm lần thứ 75 của Université Libre de Bruxelles ông nói:

Tự do đối với khoa học giống như không khí đối với động vật. Thiếu thốn tự do này khoa học sẽ bị chết vì nghẹt thở giống như một con chim bị mất oxy. Và tự do này phải không có giới hạn, bởi nếu người ta muốn lạm dụng giới hạn, người ta chỉ có một khoa học nửa vời và một khoa học nửa vời còn lâu là khoa học, bởi nó có thể và nhất thiết là một khoa học sai. Ý nghĩ phải không bao giờ được tuân thủ theo bất cứ giáo điều nào, đảng phái chính trị nào, khát vọng, lợi ích, ý tưởng định trước, bất cứ điều gì, ngoại trừ chính các sự kiện, bởi vì đối với khoa học tuân thủ nghĩa là chết.

Câu cuối cùng được khắc lại trên tường tòa nhà chính của ĐH Brussels. Poincaré luôn luôn đòi hỏi động cơ thẩm mỹ trong hoạt động khoa học:

Các nhà khoa học không nghiên cứu tự nhiên vì nó có ích lợi thực dụng. Anh ta nghiên cứu bởi anh ta cảm thấy vui sướng trong nó, và anh ta thấy vui sướng trong nó bởi nó đẹp. Nếu tự nhiên không đẹp, nó sẽ không đáng biết và nếu tự nhiên không đáng biết, cuộc đời sẽ không đáng sống. Tất nhiên, ở đây tôi không nói về vẻ đẹp gây cảm giác, vẻ đẹp của chất lượng và hình thức, tôi hoàn toàn không đánh giá thấp vẻ đẹp này. Nhưng nó không có gì để làm đối với khoa học. Ý tôi muốn nói đến vẻ đẹp sâu thẳm hơn đến từ sự sắp xếp hài hòa của các phần và vẻ đẹp mà trí thông minh thuần túy có thể tìm lấy.

Một số khảo cứu toán học của Poincaré có cảm hứng từ xu hướng nghệ thuật hiện đại. Poincaré, người tốt nghiệp ở Polytechnique là người đóng góp nhiều cho ứng dụng khoa học, không mơ hồ về những đòi hỏi của đầu tư dài hạn thực chất trong nghiên cứu cơ bản:

Nhà khoa học phải không được bỏ qua việc thực thi những mục đích thực tế. Chắc chắn nhà khoa học sẽ có, mà hơn nữa phải nhất thiết có được ứng dụng thực tế. Nhà khoa học không bao giờ được quên rằng đối tượng đặc biệt mà

anh đang nghiên cứu chỉ là một phần của tổng thể rộng lớn này và đó phải là nguyên cơ duy nhất cho hoạt động của anh. Khoa học có những ứng dụng phi thường, nhưng một khoa học mà chỉ có ứng dụng thôi thì đó không còn là khoa học nữa, đó chỉ là nghề nấu ăn.

Hơn bao giờ hết, những lời này vẫn còn rất quan trọng. Một nạn nhân ngày càng cam chịu của quyền lực xã hội là tự do khoa học ngày càng bị đe dọa bởi những áp lực kinh tế lẫn át do những lợi nhuận tức thời, và trong đầu của những người hoạch định ngân sách xã hội, nghiên cứu cơ bản luôn luôn bị đồng nhất với sự tiến hoá.

Kết luận

Khi Poincaré đột ngột qua đời ngày 17-7-1912 do bị tắc mạch sau lần phẫu thuật, khoa học thế giới còn lâu mới sẵn sàng hưởng lợi ích từ di sản của ông. Theo nhà toán học vĩ đại của Pháp Jean Leray:

Rất ít người có thể theo kịp suy nghĩ của ông. Ông không có học trò. Sau một thế kỷ, chúng ta mới có thể hiểu những ý tưởng của ông dễ dàng hơn, nói về chúng theo cách quen thuộc hơn. Nhưng càng tiếp cận gần hơn, ta càng ngưỡng mộ và kính trọng chúng hơn.

Một nhà toán học vĩ đại khác của Pháp, Andre Weil, nhấn mạnh về khía cạnh hiện đại trong công việc của Poincaré:

Giống với nhiều người khác, tôi hy vọng chỉ ra với bạn rằng sự nghiệp của Poincaré không chỉ thuộc về lịch sử khoa học của chúng ta, mà còn thuộc về toàn bộ sự rục rở của toán học ngày nay.

Tôi dành những từ sau đây của nhà vật lý toán nổi tiếng David Ruelle để kết thúc bài viết về Ông:

Vật lý toán cố gắng hiểu một thế giới phức tạp chưa biết bằng những công cụ có hạn chế đã biết. Điều này đòi hỏi sự dũng cảm và khiêm nhường. Hiển nhiên Henri Poincaré không thiếu phẩm chất nào trong hai đức tính này.

Biên dịch:

Nguyễn Duy Tiến và Đào Phương Bắc
(ĐHKHTN Hà Nội)

GIÁO SƯ ĐẶNG ĐÌNH ÁNG, MỘT NHÀ TOÁN HỌC LỚN, MỘT NGƯỜI THẦY TẬN TỤY, MỘT NHẠC SĨ SAY MÊ

Nguyễn Xuân Xanh (Tp Hồ Chí Minh)

*Trong sự nghiệp của tôi, tình thương là tinh thần dẫn dắt.
GS Đặng Đình Áng*



Vào những ngày giữa tháng Ba năm 2006 có một sự kiện mà chắc nhiều người trong giới toán học Thành phố đã cảm nhận: Giáo sư Đặng Đình Áng tròn 80 tuổi! Đó là một sự kiện rất đáng vui mừng. Đáng vui mừng vì GS Áng vẫn còn khoẻ mạnh, vẫn còn tự chạy xe Honda, tiếp tục làm toán và thổi sáo, rất hăng say với công việc, như một giòng sông lúc sắp đổ ra biển: chảy càng mạnh, càng rộng lớn ra và càng mang nặng phù sa. Giáo sư là người đã đóng góp 46 năm liền không mệt mỏi cho ngành toán học nước nhà. Không phải chỉ căn cứ vào số lượng trên 130 bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế về nhiều đề tài nghiên cứu trong toán học và có nhiều sách chuyên đề, trong đó có một quyển được in tại nhà xuất bản nổi

tiếng Springer của Đức. Nó còn thể hiện ở chỗ Ông là người được giới toán học thế giới công nhận như một nhà toán học uy tín của Việt Nam, đã từng làm báo cáo mời ở nhiều hội nghị quốc tế, được mời làm giáo sư thỉnh giảng ở nhiều đại học quốc tế như ĐH Utah, Orleans, viện nghiên cứu Mauro Picone (Ý), ĐH Paris, ĐH Cambridge.... Ông từng được tài trợ nghiên cứu DFG (Deutsche Forschungsgesellschaft) của Đức - một tài trợ dành cho những nhà nghiên cứu có tiếng - để nghiên cứu Toán tại ĐH Tự do Berlin; tài trợ nghiên cứu tại ĐH Tokyo. Ông góp phần kết nối Việt Nam với năm châu, hướng dẫn và cùng hướng dẫn với giáo sư nước ngoài nhiều nghiên cứu sinh Việt nam. Ông đã mời được nhiều giáo sư nổi tiếng vào Việt Nam tham dự hội nghị toán. Nhiều học trò của Ông đã thành đạt, đang làm việc trong và ngoài nước.

Phải nhìn lại nền toán học non trẻ Việt Nam những năm 60 ở thế kỷ trước mới thấy hết đóng góp của Ông. Ở phía Nam có thể nói nó mới manh nha vào lúc GS Áng được giao trọng trách làm trưởng ban toán của ĐH Khoa học Sài Gòn năm 1960, ngay sau khi tốt nghiệp tiến sĩ ở Hoa Kỳ về nước. Lúc đó Ông mới 34 tuổi, vào lúc đại học đang cần chuyên ngữ và chuyên quyền. Ông tham gia vào việc cải tổ chương trình đào tạo đại học. Chúng chỉ Toán đại cương là cái cửa ải khó lọt “rùng rợn” nhất đối với hàng trăm sinh viên lính mới, mỗi năm chỉ có vài người lọt qua được thôi! GS Áng đã giúp thay đổi tình hình thi “thách đố” đó,

kéo nó về tình trạng bình thường. Ông cũng là người đã đầu tiên mang Toán học hiện đại vào như một luồng gió mới ở trường này. Không khí học toán trong sinh viên lúc bấy giờ rất hồ hởi, sôi động. Toán học đại học khác hẳn với Toán học đã từng được học ở trung học hàng chục năm liền, nó gây bỡ ngỡ, nhưng cũng gây thích thú, mở rộng tư duy và tầm nhìn của sinh viên. Toán học đại học như một “đền thờ” riêng của nó mà người sinh viên phải biết tự tìm đường vào. Có một sự đứt khoảng thực sự về trình độ, khái niệm, phương pháp, nhân quan.

Toán học phía Nam đã nhanh chóng có tính chất hiện đại của thế giới, lan dần ra như một đóm lửa nhóm lên xung quanh GS Áng và các học trò. Các sinh viên của Ông sau khi tốt nghiệp đi nước ngoài không bị bỡ ngỡ. Mặt bằng trình độ cũng được nâng cao bằng các chứng chỉ “toán thâm cứu” I và II nhằm đưa sinh viên sau cử nhân đến gần với nghiên cứu và sáng tạo. Có những sinh viên qua đó đã có những bài nghiên cứu đầu tay được đăng trên báo nước ngoài trước khi lên đường du học, hoặc nhờ đó mà tìm được học bổng du học. Còn gì khích lệ bằng! Toán học đã có một người thầy dẫn đường hội nhập quốc tế, một hạt giống của những hạt giống tương lai. Ông như cái chìa khóa để bước vào các trường đại học quốc tế. *“Cả sự nghiệp của đời tôi là đào tạo. Muốn dạy giỏi, người thầy phải nắm vững những kiến thức mới mẻ nhất. Muốn nắm vững, bản thân ông thầy phải có đóng góp chứ không thể nhắc lại kiến thức của người khác”* và *“Tôi rất thích học. Thời Pháp học. Thời gian vào Sài Gòn, ở CalTech học. Về đây tiếp tục học. Bây giờ cũng còn học, học những bậc thầy đi trước”*, như Giáo sư khiêm tốn nói. Đó chính là tinh thần kết hợp giảng dạy và nghiên cứu của nhà cải cách đại học Đức W. Humboldt đầu thế kỷ 19.

Ba mươi năm qua Ông đã chọn con đường ở lại đất nước để tiếp tục đóng

góp cho Toán học Thành phố và đào tạo các lớp sinh viên trẻ có năng khiếu, một quyết định không phải là đương nhiên đối với một nhà khoa học được đào tạo theo Tây học từ nhỏ, đã từng du học và sống ở nước ngoài, đã từng được mời ở lại giảng dạy và có đủ điều kiện để thành đạt ở nước ngoài. Ông được Nhà nước phong danh hiệu giáo sư trong đợt phong giáo sư đầu tiên sau giải phóng (vào năm 1980). Đó là một sự công nhận trân trọng và khích lệ đối với Ông. Ông luôn tin vào tài năng của con người, mảnh đất Việt Nam: *“Đây là mảnh đất tốt, rất màu mỡ, rất nhiều hạt giống tài năng”* và *“Tôi tin tưởng rất nhiều vào tiềm năng của người Việt Nam ta, đặc biệt là của lớp trẻ. Tuy nhiên, muốn biến tiềm năng thành hiện thực thì phải biết tổ chức, phải có thầy. Thầy là những người có khả năng chuyên môn cao, có đạo đức nghề nghiệp và quan tâm đến học trò”*.



GS Áng (giữa) cùng đồng nghiệp ở miền Nam với Đại tướng Võ Nguyên Giáp tại Hà Nội năm 1977

Với những đóng góp và lý do trên, Ông là người đáng để được chúng ta cảm ơn và trân trọng. Cảm ơn Giáo sư đã là một “ngọn đèn” để khêu lên những tài năng trẻ khác, một viên ngọc quý của nền Toán học Việt Nam nói chung. Chúng ta cảm ơn một người con của đất nước suốt đời tận tụy với nghề nghiệp, có tình cảm gắn bó sâu sắc với quê hương, với sự nghiệp đào tạo thế hệ trẻ để vươn lên với thế giới, đã đưa giới toán học quốc tế trong ngành mình đến

gần Việt Nam, cũng như góp phần đưa Toán học nước nhà vươn ra quốc tế. Đó là một tấm gương sáng để các thế hệ sau học hỏi.

Những yếu tố nào, triết lý nào đã đưa Ông đến sự thành đạt? Đó cũng là câu hỏi một tổ chức tiêu sử quốc tế quan tâm đặt ra cho Giáo sư. Hai phát biểu sau đây của Ông có lẽ cho ta một số mẫu chốt để nhận định:

“Mỗi lần về thăm làng, tôi lại ra tắm ở cái hồ lớn, rồi nhìn về núi Trầm và tôi lại nhớ da diết những ngày còn bé, tôi cùng anh (Đặng Đình) Hưng thường ra đó. Chúng tôi cùng nhìn lên núi, mỗi người theo đuổi một ước mơ. Về sau, tôi thường tự hỏi: có phải chính ngọn núi này đã khơi gợi cho anh em tôi những khát vọng trong đời?” và

“Tôi mê sáo tre từ nhỏ, sang Mỹ thì mua được cây sáo bạc. Âm nhạc có tác dụng rất quan trọng với việc học tập và nghiên cứu toán của tôi. Cũng như âm nhạc, toán là một nghệ thuật”.

Hai câu nói cho thấy Ông đã có một sự định hướng, một khao khát trong nội tâm từ thuở nhỏ mà ngọn núi Trầm chỉ là cái biểu lộ bên ngoài và cũng là để đánh thức thêm sự định hướng vươn lên đó bên trong. Thứ hai, tiếng sáo tre cũng là âm thanh đánh thức cái sở thích âm nhạc đã tiềm tàng trong Ông.



GS Áng với Ban nhạc Hoa Sen năm 2000

Âm nhạc có tác dụng sâu xa đến sự sáng tạo con người mà khoa học chưa hiểu hết. Cảnh Ông xuất hiện với chiếc sáo bạc làm liên tưởng đến hình ảnh Einstein với cây đàn vĩ cầm, ngay cả khi

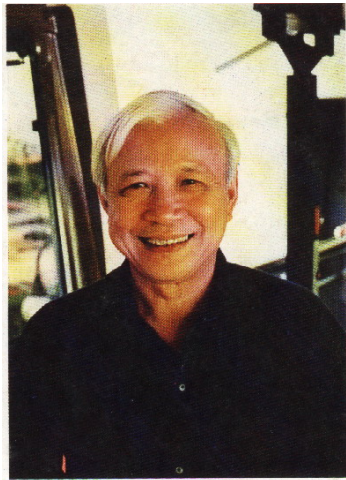
vào hộc trong hàn lâm viện. *“Chơi sáo hàng ngày là làm tiêu tan căng thẳng, làm cho tâm trí sáng sủa hơn, người khoẻ mạnh hơn. Chơi nhạc là một cách dưỡng sinh, một cách thiền”* như giáo sư nói. ... *“Âm nhạc mà nhất là nhạc cổ điển như một phép dưỡng sinh, giúp tôi thấy thanh thần, tĩnh tâm, yêu đời”.* Âm nhạc đưa tâm hồn con người về cội nguồn của từ thuở nào không ai biết. Đó là cội nguồn của sự sáng tạo, trực giác, của tình thương, niềm tin, sự thánh thiện, hy vọng và cả sự chịu đựng nữa. Tiếng sáo tre của tuổi thơ là sự báo hiệu của cội nguồn được đánh thức. Mỗi lần chơi sáo hay nghe nhạc là trở về cội nguồn đó để xua tan đi những sự chối tai của xã hội và tiếp sức cho cuộc hành trình sáng tạo. Pythagoras được xem là ông tổ đã khám phá ra quan hệ giữa âm thanh và con số. Và khoa học của người Hy Lạp luôn luôn là khoa học của sự hài hòa. Sự hài hòa chiếm một vị trí trung tâm trong giáo dục của Hy Lạp. Cái đẹp cũng là cái hài hòa. Kepler là người khám phá ra “quy luật âm nhạc của vũ trụ” (Weltharmonik) ở các định lý thiên văn của ông. Đặc biệt nhạc của Mozart, như một nhà khoa học Đức nói, “đẹp và tinh khiết” đến độ có thể được xem như “vẻ đẹp nội tâm của vũ trụ”. Đó cũng là âm nhạc Ông thích nhất. Âm nhạc cộng với sở thích văn học là miếng đất văn hóa đem lại sức sống và nuôi dưỡng sự sáng tạo, làm cho Ông tuy tuổi cao nhưng không già, tuy tóc bạc nhưng tâm hồn vẫn xanh tươi, tuy sức khỏe phải được gìn giữ nhưng những ngọn sóng của tư duy và cảm hứng yêu đời vẫn dạt dào trong trái tim như xuất phát từ một đại dương không bờ.

Ông là một nhà toán học, nhưng trước hết là con người văn hoá, nhân văn. Tuy được đào tạo với một nền văn hoá Tây học, bảy năm sống ở nước ngoài, nhưng tâm hồn Ông luôn luôn đầy ắp những tình cảm Việt Nam. *“Tôi thổi Mozart bằng tâm hồn Việt. Thôi để không quên dân ca mình. Tôi ăn món ăn nước ngoài*

cũng bằng dạ dày Việt. Ăn để thấy các cụ nhà ta thật sành...âm thực". Miếng đất văn hoá đã giúp cho Ông dù sống ở đâu tinh thần vẫn rộng mở và sáng sủa. Trong những giai đoạn khó khăn, Ông vẫn không ngừng làm Toán. Lúc biến động, Ông luôn luôn vững vàng như một tảng đá.

Triết lý sống ở đời của Ông? Là nhân hậu, vị tha, có trước có sau. Là thương yêu xã hội, thương yêu con người, thiên nhiên. *"Phải có tình thương mới làm được việc lớn"*.

Hạnh phúc là gì? Hãy xem căn phòng đơn sơ kỹ của Ông ở 162 Điện Biên Phủ. Hạnh phúc không nằm ở vật chất mà ở thế giới tinh thần, ở lao động say mê, ở âm nhạc, ở sự hài hoà với vũ trụ, với xã hội, ở mỗi ngày học hỏi thêm và đào tạo học trò.



Lời khuyên của Ông đối với thanh niên trẻ? Đó là: *"Đừng háo thắng mà không đi xa được. Việc học cũng giống như chạy marathon 42 km, phải biết giữ sức. Những cây số đầu không mấy quan trọng, không học nhồi học nhét, không ham ánh hào quang hảo huyền, làm sao để càng về sau càng không lỏ. Đó mới là kết quả thực sự"*.

Tôn giáo? Không có! Ông chỉ sống với "đạo làm người", muốn gieo nhiều cái tốt, cái thiện và tránh cái xấu, cái dữ.

Nhưng có lẽ nói như Einstein, "Trong xã hội nhuộm màu vật chất chủ nghĩa phổ biến thì những người nghiên cứu (khoa học) nghiêm túc là những người duy nhất có tín ngưỡng sâu xa". Họ như những người đi tìm cái "Đạo" trong thế giới khoa học.

Tháng 12 năm nay sẽ có một hội nghị toán học quốc tế tại Thành phố để mừng Ông 80 tuổi. Chắc người ta cũng sẽ thấy Giáo sư với chiếc áo bạc thối tại Hội nghị.

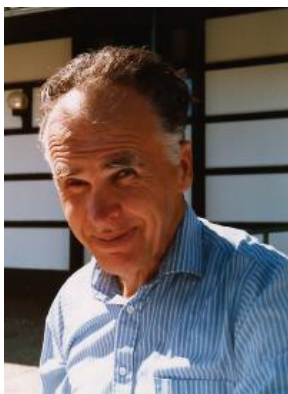
Trong một bài báo đăng trên báo Sài Gòn Giải Phóng năm 2000, GS Áng đã viết: "Quê hương là dải đất, có núi có sông, có cây có, có những con người cùng chung quyền lợi vật chất và tinh thần, nhưng không phải chỉ là thế, sâu xa hơn thế là các năm mồ người đã khuất. *"Chính tro tàn của người quá cố đã tạo ra quê hương"*, một văn hào Pháp, trong một bài thơ bất hủ về tình yêu quê hương, đã thốt ra như vậy". Thưa Giáo sư, Quê hương cũng còn được tạo ra bởi những người *vẫn còn sống* yêu quê hương và miệt mài lao động để cho đất nước mau chóng vươn lên dành một chỗ đứng xứng đáng trong cộng đồng thế giới, ngẩng mặt nhìn mặt trời như đất nước ta bao đời nhìn mặt trời hùng dũng trên biển cả nhưng chưa được toại nguyện giấc mơ. Trong những người còn sống làm nên quê hương đó, có Giáo sư.

Xin chúc Giáo sư nhiều sức khỏe để sống hạnh phúc với gia đình, học trò, bè bạn và để chứng kiến đất nước ngày càng đổi mới, tài năng trẻ ngày càng phát triển, cùng vươn lên để thực hiện giấc mơ của cha ông, và cũng là mơ ước của những người tâm huyết đi trước dẫn dắt như Ông đã làm nửa thế kỷ qua. Xin chúc sức khoẻ của Cô Minh Thi, người vợ hiền thực của Giáo sư không thể thiếu được trong sự nghiệp và hạnh phúc của mình. Chúc tiếng sáo của Giáo sư tiếp tục ngân lên hòa quyện với những giai điệu toán học mới.

Lennart Carleson, Giải thưởng Abel-2006

Phạm Trà Ân (Viện Toán học)

Lennart Carleson sinh ngày 18 tháng Ba năm 1928 tại Stockholm, Thụy Điển. Ông học ĐH Uppsala và bảo vệ luận án Tiến sĩ Toán năm 1950 cũng tại đó, dưới sự hướng dẫn của nhà toán học nổi tiếng người Thụy Điển Arne Beurling. Ở tuổi 26, Ông đã đồng thời là giáo sư ĐH Stockholm, ĐH California, Los Angeles và Viện Kỹ thuật Hoàng gia Thụy Điển.



Từ 1968-1984, L. Carleson là Viện trưởng Viện Toán học Mittag-Leffler tại Stockholm, và đã có công xây dựng viện này từ một Viện Toán tầm trung bình trở thành một Trung tâm toán học có uy tín và rất hấp dẫn của Châu Âu và thế giới.

Trong 23 năm, từ 1956-1979, Carleson là thành viên Ban Biên tập Tạp chí Acta Mathematica (Thụy Điển), một tạp chí toán học có chiều dầy lịch sử ở Châu Âu và đang có mặt trong nhóm 10 tạp chí toán học có uy tín nhất hiện nay.

L. Carleson đã có nhiều đóng góp quan trọng trong các lĩnh vực Giải tích điều hoà, Giải tích phức, các Ánh xạ á-bảo giác và các Hệ động lực. Ông là một trong số ít các nhà toán học có khả năng đặc biệt. Ông luôn quan tâm đến các vấn đề toán học còn mở, đã từng được

nhiều nhà toán học trước đó thử sức. Đến lượt mình, Ông đã nghiên cứu thành công. Sau đó Ông sẵn sàng để các nhà toán học khác nghiên cứu tiếp vấn đề do mình khai phá, còn Ông lại chuyển sang nghiên cứu các vấn đề còn mở khác khó hơn, sâu sắc hơn. Trong giới Toán học, nói đến L. Carleson người ta thường nhắc đến 3 bài toán điển hình khó, đã tồn tại từ nhiều năm, nhưng rồi đã bị khuất phục trước Ông. Đó là Bài toán về sự hội tụ của chuỗi Fourier⁽¹⁾, Bài toán Nhật hoa⁽²⁾ và Bài toán về sự tồn tại các điểm hút kỳ lạ trên bản đồ Hénon⁽³⁾.

L. Carleson đã từng được 3 lần làm báo cáo mời tại Hội nghị Toán học Thế giới (IMC), trong đó có một lần tại phiên họp toàn thể. Đối với các nhà toán học, trong cả cuộc đời làm Toán của mình, nếu được mời một lần làm báo cáo tại ICM cũng đã là vinh dự lắm rồi!

L. Carleson còn là một nhà sư phạm có tiếng. Ông đã đào tạo được 26 tiến sĩ toán học, nhiều người trong số này hiện đang là giáo sư của các trường đại học. Ông luôn luôn quan tâm và có đóng góp quan trọng trong việc phổ cập Toán học ở Thụy Điển. Ông đã viết một quyển sách phổ cập Toán học rất được thanh thiếu niên Thụy Điển ưa thích, đó là quyển “Matematik for var tid” (“Toán học cho thời đại chúng ta”).

L. Carleson là một nhà hoạt động khoa học nổi tiếng. Từ 1978-1982, Ông là Chủ tịch Liên đoàn Toán học Thế giới (LĐTHTG). Trên cương vị Chủ tịch, Ông đã để lại các dấu ấn của mình: Lập Giải thưởng Nevanlinna, một giải thưởng mới của LĐTHTG, tương đương với Giải thưởng Fields, dành cho các nhà toán học thuộc lĩnh vực Cơ sở toán học của Tin học. Cũng trên cương vị Chủ

tịch, Ông đã bền bỉ giải quyết mọi trở ngại để Trung Quốc có thể gia nhập LHHTG, một vấn đề rất nhạy cảm về chính trị vào thời điểm đó.

Năm 2004, trên cương vị Trưởng Ban Khoa học của Hội nghị Toán học Châu Âu lần thứ 4, Ông đã có sáng kiến tổ chức các “Bài giảng Khoa học”, mời các nhà khoa học nổi tiếng (phần lớn được Giải thưởng Nobel) thuộc nhiều chuyên ngành khoa học khác nhau, làm báo cáo mời tại Hội nghị đó về mối quan hệ qua lại giữa vấn đề đang nghiên cứu của mình với Toán học.

L. Carleson là Tiến sĩ danh dự tại một số trường đại học trên thế giới. Ông được bầu là Viện sĩ của một số Viện Hàn lâm nước ngoài. Ông đã được trao tặng nhiều phần thưởng khoa học cao quý như Giải thưởng Leroy P. Steele của Hội Toán học Mỹ năm 1984, Giải thưởng Wolf năm 1992, Huy chương vàng Lomonosov của Viện Hàn lâm Nga năm 2002, Huy chương vàng Sylvester của Hội Toán học Hoàng gia London năm 2003 và lần này, Giải thưởng Abel-2006.

L. Carleson là một nhà toán học lớn, một nhà hoạt động khoa học lớn của thời đại chúng ta.

Chú thích

(1) Bài toán về sự hội tụ của chuỗi Fourier:

Năm 1807, kỹ sư người Pháp Jean Fourier đã có một phát kiến có tính cách mạng, khi cho rằng nhiều hiện tượng quanh ta, từ sự truyền nhiệt qua thanh kim loại cho đến sự rung động của dây đàn violông đều có thể biểu diễn như là tổng của một số các hàm sóng đơn giản: hàm sin và hàm cosin. Các tổng như thế ngày nay có tên gọi là các chuỗi Fourier. Ông cho rằng mọi hàm đều bằng tổng chuỗi Fourier của nó. Vì là một kỹ sư, nên phát biểu của Ông còn thiếu chính xác, mang tính chất kinh nghiệm và không được chứng minh. Sau đó nhiều nhà toán học đã tìm cách chứng minh điều này, nhưng đều không thành công. Năm 1913, nhà toán học người Nga Lusin đã phát biểu lại bài toán và nêu thành một giả thuyết, thường được gọi là “Giả thuyết Lusin”: mọi hàm liên tục đều bằng tổng chuỗi Fourier của nó. Năm 1926 Kolmogorov đã có một kết quả phủ định “Giả thuyết Lusin”. Sau

kết quả này của Kolmogorov cùng với sự cố gắng nhưng không mang lại kết quả của nhiều thế hệ các nhà toán học tiếp theo, đã làm cho các chuyên gia trong lĩnh vực này tin tưởng rằng vấn đề xây dựng một hàm liên tục đơn giản hơn mà tổng chuỗi Fourier của nó khác hàm đã cho, chỉ còn là vấn đề thời gian. Trong khi đó chuỗi Fourier vẫn được dùng rộng rãi trong các ngành công nghệ và tỏ ra rất đặc dụng. Người ta thường nói vui nhưng hoàn toàn có lý rằng nếu không có chuỗi Fourier, rất có thể ngày hôm nay chúng ta chưa có ô tô, chưa có tivi. Vì vậy năm 1966, cả cộng đồng Toán học đều ngỡ ngàng, sững sốt khi được tin L. Carleson đã chứng minh được rằng mọi hàm khả tích bậc hai, mà các hàm liên tục là một trường hợp riêng, đều bằng tổng chuỗi Fourier của nó, nhưng là bằng một cách hơi khác, bằng “hầu khắp nơi”!

(2) Bài toán nhật hoa: Bài toán Carleson giải quyết là một bài toán thuần túy toán học không có liên quan gì đến Thiên văn cả, có thể phát biểu như sau: Cho một hàm xác định trên một đĩa tròn. Hãy tìm giá trị của hàm trên bờ đĩa, khi biết các giá trị của hàm ở trong đĩa. Tên “Bài toán Nhật hoa” là do nhà toán học Nhật Bản Kakutani đặt ra, khi ông liên hệ bài toán này với hiện tượng “Nhật hoa” trong thiên văn học (Nhật hoa là hiện tượng xuất hiện các vành sáng rất đẹp xung quanh Mặt trời, vào thời điểm xảy ra hiện tượng Nhật thực toàn phần). Để giải quyết vấn đề này L. Carleson đã đưa ra một độ đo mới, mà ngày nay ta gọi là độ đo Carleson, Hiện tại độ đo Carleson đã trở thành một công cụ cơ bản của Giải tích phức và Giải tích điều hòa.

(3) Bài toán về sự tồn tại các điểm hút kỳ lạ trên bản đồ Hénon:

Hệ động lực là các mô hình toán học mô tả đáng điệu hành động của một lớp rộng rãi các hiện tượng mà ta quan sát được trong thiên nhiên, trong thiên văn học, trong thị trường tài chính và trong nhiều hệ thống sinh học,... Bản đồ Hénon là một hệ động lực mô tả các “rối” của thời tiết, do nhà thiên văn Michel Hénon đề xuất vào năm 1973. Trên thực tế, người ta đã quan sát được sự tồn tại của các điểm hút kỳ lạ (strange attractor), và bằng mô phỏng trên máy tính, người ta cũng vẽ được chi tiết các điểm hút kỳ lạ với Bản đồ Hénon. Nhưng về mặt toán học người ta lại không có cơ sở gì về sự tồn tại của các điểm hút kỳ lạ như thế. Năm 1991 Carleson cùng với người đồng hương của mình là Benedicks, lần đầu tiên đã chứng minh được bằng toán học sự tồn tại

của các điểm hút kỳ lạ này trên bản đồ Hénon. mới cho các hệ động lực.
Thành tựu này đã mở ra một hướng nghiên cứu

Nguyễn Đình Ngọc: một cuộc đời

Hoàng Xuân Sính (ĐHSP Hà Nội)



*Gémir, prier, pleurer est également lâche,
Fais énergiquement ta longue et lourde tâche
Dans la voie où le sort a voulu t'appeler,
Puis après comme moi, souffre et meurs sans
parler.*

(La mort du loup - Alfred de Vigny)

*Rên xiết, nguyện cầu hay khóc than đều hèn
nhát,
Hãy có nghị lực thực hiện cái nhiệm vụ dài
và nặng nề của mình
Trên con đường mà số phận muốn gọi anh
đi,
Rồi sau đó sẽ như tôi đây, chịu đựng đau khổ
và chết không một lời than vãn.*

Nguyễn Đình Ngọc trút hơi thở cuối cùng vào chín giờ kém mười ngày 2 tháng 5 năm 2006. Anh đã sống và chết như Con chó sói của Alfred de Vigny, hoàn thành nhiệm vụ và từ giã cõi đời không một lời kêu đau hay than thở.

Sáng ngày 8/5/2006, anh chị em làm Toán đến chào tạm biệt anh Nguyễn Đình Ngọc. Chào tạm biệt thôi vì anh vẫn sống mãi với mọi người, và cuộc đời đặc biệt của anh sẽ

lưu truyền như một tấm gương sáng cho thế hệ trẻ noi theo.

Nguyễn Đình Ngọc sinh ngày 13/8/1932, con của bác sĩ Nguyễn Đình Diệp và bà Lê Thị Khoa, một phụ nữ đẹp, hiền hậu, hết lòng vì chồng vì con. Hai ông bà sinh được bốn người con, ba trai và một gái; anh Ngọc là đầu lòng, cô em gái là con út. Dưới thời Pháp thuộc, người bác sĩ được xã hội tôn vinh coi như thuộc giới trí thức thượng lưu, đời sống thường sung túc. Nhưng bác sĩ Nguyễn Đình Diệp không được các “quan tây” ưa vì tính độc lập và lòng yêu nước, nên luôn luôn bị đẩy đi những nơi như Sơn La, lúc đó nổi tiếng là ma thiêng nước độc, gần nhà tù giam các chiến sĩ cách mạng. Cho nên gia đình sống đạm bạc, coi như đủ ăn, và đó là cái nôi nuôi dưỡng ý chí của cậu bé Nguyễn Đình Ngọc từ thuở còn thơ.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ đêm 19/12/1946, bác sĩ Nguyễn Đình Diệp trở thành Quân y xá trưởng của Phúc Yên, phụ trách quân y toàn tỉnh; cả gia đình cũng sống tại đây. Cha phục vụ trong quân y, mẹ tần tảo nuôi gia đình, các con còn nhỏ nhưng rất ngoan. Hạnh phúc tưởng như đi cùng với cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc. Nhưng làm gì có hạnh phúc khi đất nước đang bị quân thù tàn sát? Một tang tóc báo hiệu một bi kịch lớn trong gia đình: đầu năm 1947, người con thứ ba trong gia đình, bé Nguyễn Đình Sơn bị bệnh rồi mất lúc mới ba tuổi. Rồi đến sự kiện làm thay đổi hẳn cuộc đời Nguyễn Đình Ngọc. Tháng 10 năm 1947, tướng Pháp Salan - Tổng chỉ huy Đông Dương - huy động 12 000 quân mở cuộc tiến công lớn vào căn cứ Việt Bắc với mục đích trước tiên là tiêu diệt đầu não chỉ huy, bắt Chính phủ Hồ Chí Minh, và tiếp theo là tiêu diệt các lực lượng chủ lực của quân kháng chiến. Cuộc tấn công đồ sộ Thu

Đông 1947 của quân Pháp coi bị thất bại. Quân dù nhảy xuống Bắc Cạn, Chợ Dầu bị đánh thua, chạy qua Thái Nguyên, rút về Phúc Yên tìm đường về Hà Nội. Đó là tháng 12 năm 1947. Sau khi chăm sóc và đưa thương binh đến chỗ an toàn, gia đình bác sĩ Quân y xá trưởng Nguyễn Đình Diệp chỉ còn kịp chạy đến xã Đỗ Tân, ấp Làng Tây, thôn Cầu Vây để ẩn nấp. Tại đây, toàn bộ gia đình bác sĩ Diệp đã bị quân Pháp bắt, nhưng chúng chỉ giải bác sĩ và con trai lớn (mới 15 tuổi) Nguyễn Đình Ngọc đi. Đến Đập Cầu, đêm ấy, hai cha con bị giam tách ra, người cha chỉ còn kịp dặn con: “Con hãy cố học và giúp người khác học, dân mình khổ trước hết vì giặc đốt”, và ông trao cho con một bộ quần áo lính. Lờ và cảnh bị trảng không kém gì Nguyễn Phi Khanh dặn dò Nguyễn Trãi ở biên giới khi Phi Khanh bị quân Minh bắt làm tù binh mang về Trung Quốc. Đêm hôm đó, Nguyễn Đình Ngọc chỉ nghe có một tiếng súng nổ và tắt cả lại chìm trong yên lặng. Sáng hôm sau, viên trung úy người Pháp đã bắt hai cha con, hỏi Nguyễn Đình Ngọc có đồng ý làm con nuôi, anh đã từ chối. Tôi không hiểu ý định của viên trung úy khi muốn nhận Nguyễn Đình Ngọc làm con nuôi. Nhưng liên tưởng tới khi quân Pháp bắt được Hoàng Hoa Thám và vợ của ông, Toàn quyền Pháp bấy giờ đã nhận con gái nhỏ Hoàng Thị Thế của ông bà làm con nuôi đến năm 18 tuổi, rồi đưa sang Pháp gả chồng vào một gia đình giàu có, và như thế để triệt không còn nảy sinh một bà ba Đề Thám thứ hai (mẹ của bà Hoàng Thị Thế là một nữ tướng và là vợ ba của Đề Thám); tôi nghĩ có lẽ viên trung úy Pháp cũng có ý định như vậy với Nguyễn Đình Ngọc chăng?

Không dụ được Nguyễn Đình Ngọc, chúng bèn đưa về giam ở nhà thương Đồn Thủy nơi điều trị binh lính Pháp thời Hà Nội tạm chiếm, và nay là bệnh viện Quân đội 108. Xót thương anh vô cùng, anh Ngọc ơi! Anh bị giam ở đó vào tháng 12/1947, thế mà tháng 7/2005 anh vào điều trị bệnh ở 108, anh hãy còn nhớ và dẫn chúng tôi đến chỗ bọn chúng giam anh sau khi đã bắn chết cha anh. 58 năm trôi, anh đã đi không biết bao nhiêu nơi trên trái đất này, học và làm không

biết bao nhiêu việc, cả những việc vào sinh ra tử, để rồi lúc gần đất xa trời lại nhìn thấy nơi đầu tiên bị giam lúc chỉ mới 15 tuổi.

Cuối cùng, mẹ anh cũng mang được hai em nhỏ vào Hà Nội tạm chiếm, và tìm được anh. Bốn mẹ con sống chật vật trong đất Hà Nội. Người mẹ tận tảo, bằng mọi giá thực hiện lời dặn của chồng trước khi bị bắn, là cố gắng nuôi hai con trai Ngọc và Kim ăn học nên người, cô em út lúc đó mới một tuổi. Cả hai anh em đều học giỏi nổi tiếng, nhưng học “gao” thì không ai bằng Ngọc. Ngọc có thể học dưới ánh đèn dầu muỗi đốt thâu đêm, và tài đặc biệt nhất anh vẫn giữ cho tới gần đây khi bị bệnh hiểm nghèo là tự hành hạ “ngủ ngồi”, vì anh sợ nằm ngủ thì dễ ngủ say, ngủ quên, lãng phí thời gian làm việc. Anh học giỏi đủ mọi môn, nhưng môn toán là môn anh đặc biệt thích. Thời đó, trong vùng tạm chiếm, người ta học mọi môn bằng tiếng Pháp. Cho nên mấy cuốn sách toán của Lebossé đã được cậu bé 15 tuổi lờ ra làm hết, làm đi làm lại nhiều lần, phân loại, phân tích, mở rộng... Cậu bé đó sẵn lòng giảng bài khó cho các bạn cùng lớp hay ở lớp dưới khi gặp khó khăn, nhưng khi cậu em ruột kém một tuổi xin giải hộ một bài toán, thì được ngay câu nói như danh ngôn: “Tao giảng cho mày, thì ai giảng cho tao?” Một bài dạy tự lực cánh sinh để đời cho em trai.

Ngọc học ngày học đêm để cướp lại thời gian bỏ học trong kháng chiến và trong trại giam. 18 tuổi Ngọc đỗ tú tài, vào Đại học Khoa học. 19 tuổi, đỗ Math. gén. 20 tuổi, thi đỗ luôn cùng một lúc hai certificats: Physique générale và Mécanique rationnelle. Một thành tích mà ai đã qua hệ thống học đó, đều phải kính nể. Lúc này anh đã được một nữ sinh viên quen biết ở đại học, làm mối cháu gái cho anh; đó là một thiếu nữ xinh đẹp, con nhà danh giá mà xã hội tầng lớp trên đều biết. Tuy vậy, gạt lòng ham mê khoa học, gác tình yêu với cô gái con nhà thượng lưu nhưng lại chăm làm và giản dị, Nguyễn Đình Ngọc đi tìm đường trả thù cho cha.

Quay lại vùng kháng chiến, người thanh niên 20 tuổi, mang mối thù sâu sắc với giặc, đã được Giám đốc Công an Liên khu 4 Nguyễn Hữu Khiếu chú ý. Ông nói với anh: “Trung với nước, hiếu với cha, là phục tùng sự sắp đặt của trên”. Anh đã nói với tôi: “Lệnh đã là như vậy, chỉ còn cứ thế mà đi”. Cuối năm 1953, sau vài tháng huấn luyện, anh được đưa vào Hà Nội còn bị tạm chiếm, chỉ có một lệnh ngăn ngừa: phải cố gắng lọt vào xã hội thượng lưu Sài Gòn, đợi liên lạc mang lệnh hành động đến. Nguyễn Đình Ngọc đã cắt một phần cái dây đồng hồ anh đang đeo để lại làm vật tin, sau này người nào có mẫu dây đồng hồ khớp với phần dây còn lại của anh, thì sẽ là người của trên đến ra lệnh hành động. Anh vào Hà Nội không mấy suôn sẻ. Hà Nội lúc đó đang nhốn nháo tin Pháp thua trận liên tiếp ở Điện Biên. Thế mà lại có một thanh niên ở tuổi lẽ ra đang là bộ đội giải phóng lần mò về vùng tạm chiếm. Trên đường từ vùng tự do vào Hà Nội, anh bị Pháp giam giữ ở Nam Định, vì bị nghi ngờ là người của mình cài. Anh một mực khai là thầy giáo, bị lao nên phải vào Hà Nội chữa chạy. Bệnh lao mà thực sự anh đã mắc phải sau những năm tháng thời niên thiếu sống kham khổ để học hành đến ngũ ngũ, đã chứng thực lời khai của anh với địch, và họ để anh vào Hà Nội. Thành phố lúc này lộn xộn, bẩn thỉu, bụi mù vì xe nhà binh Pháp nhốn nháo phóng khắp mọi nơi. Anh đi gặp lại “đi Tâm” bà mới hai năm về trước, gửi đi Tâm cái nhẫn đính hôn, nhờ chuyển cho người thiếu nữ mình yêu. Anh nói: “Nếu nhẫn rộng thì cắt bớt đi, nếu nhẫn hẹp thì đánh thêm vào, xin sẽ gặp sau này.”

Tháng 4 năm 1954, gia đình người yêu vào Nam. Tháng 7 anh cũng theo dòng người di tản vào Nam, và tìm đến ngay nhà người yêu để đặt vấn đề chính thức. Anh đi dạy tư để lấy tiền ăn học. Hè năm 1955, anh thi đỗ Calcul diff., xong licence. Ngày 27 tháng 10 năm 1955 anh lấy vợ. Được học bổng để học kỹ sư Khí tượng, tháng 11 năm 1955 anh lên đường đi Pháp. Vợ anh đến Pháp tháng giêng năm 1956. Một cháu trai ra đời cuối năm 1956. Một gia đình ba người

chỉ sống vào học bổng của một sinh viên, vợ anh phải đi làm thêm. Họ sống với nhau hạnh phúc, vợ đi làm và chăm sóc con, chồng cắm cúi vào học.



Nguyễn Đình Ngọc và con trai

Có lẽ giới Việt kiều chúng tôi ở Pháp chưa bao giờ lại gặp một người có sức làm việc phi thường như vậy. Học kỹ sư Khí tượng, nhưng đồng thời anh chuẩn bị luận án tiến sĩ cấp ba (kiểu tiến sĩ của ta hiện nay) về Địa Vật lý. Sau đó vừa học kỹ sư Đóng tàu vừa chuẩn bị luận án tiến sĩ khoa học về Toán với giáo sư Charles Ehresmann ở Đại học Sorbonne (Paris). Tất cả chương trình này anh hoàn thành năm 1963. Không ngừng ở đó, anh tiếp tục học kỹ sư Viễn thông. Lúc này anh đã xin được poste maître de conf. ở Đại học Rennes (poste này của Yvette Amice bỏ đi tỉnh khác nên bị trống) cách Paris hơn 300 km. Ngoài ra anh còn làm việc ở Viện nghiên cứu nổi tiếng I.H.E.S. Sau này, tôi hỏi anh học gì mà học lắm thế? Anh trả lời: điều đó có ích cho công tác tình báo chiến lược của anh. Anh sống rất tiết kiệm, đi xe lửa từ Paris qua đêm đến Rennes, ngồi ở ga đợi sáng để đến đại học lên lớp, không có khái niệm thuê khách sạn nghỉ trong thời gian dạy ở tỉnh như nhiều giáo sư khác. Anh ăn mặc lười thôi: bạn cho cái áo vét dài gần đến đầu gối, vẫn cứ mặc; đôi giày có hơi rộng, vẫn cứ đi. Và còn điều này anh làm sinh viên Pháp khiếp vía: có một năm, anh đánh trượt toàn thể sinh viên Math.géné. ở Rennes vì anh đòi hỏi cao ở người học. Hiệu trưởng đề nghị anh chậm lại, anh cương quyết giữ điềm đã cho; cuối

cùng người ta phải mời một giáo sư khác chăm đề còn có sinh viên đỗ.

Mười năm ở Paris, anh vào vai “chống Việt Minh” rất đạt. Thời đó sinh viên Việt Nam chia làm hai phái, phái ủng hộ miền Bắc và phái chống lại. Cả hai phái đều thực hiện ba “không”: không cùng ăn, không cùng học, không cùng chơi. Anh Ngọc không thân với phe nào, đi ăn bao giờ cũng ngồi một mình ở nhà ăn. Nhưng thỉnh thoảng lại chõ vào chọc ghẹo bọn “Việt Minh”, chẳng hạn như: “Cu Treo – anh gọi Kho-rup-sốp như vậy - sắp sang Paris, Việt Minh có mang cờ đi đón không?” “Việt Minh” tức lắm, họp ban chấp hành để đánh giá Nguyễn Đình Ngọc. Cả ban chấp hành, trừ hai người xin báo lưu ý kiến, đánh giá anh là một tay phản động, lại thêm có cờ, vì đã nghiên cứu Tư bản luận của Mác một cách nghiêm túc. Hai ý kiến xin báo lưu thì cho rằng không thể kết luận ngay là phản động vì chưa hề thấy anh đi với phe “kia”, còn đọc Tư bản luận thì chỉ là tò mò ham hiểu biết của anh trí thức. Họ cho một ví dụ về cái gì cũng muốn biết của anh: anh đi nghe opéra, hay quá, mê quá, nhưng tiếc là hát bằng tiếng Đức nên anh không hiểu lời. Không hiểu lời, anh ngồi học tiếng Đức liền ba tháng, rồi lang thang dọc bờ sông Seine nơi bán sách cũ, và anh đã mua được bản nhạc với lời như anh mong muốn. Mừng quá, anh khoe toáng lên, với một “Việt Minh” có ý kiến báo lưu về anh, rằng đã đọc bản nhạc bằng tiếng Đức, hay ơi là hay, quên khuấy mình đang phải đóng vai xa lánh “Việt Minh”. Tội nghiệp anh, đang tuổi thanh xuân, yêu mọi thứ hay, thứ đẹp trên đời, mà để khen một bản nhạc cũng không có người để nói điều mình đang thích.

Anh dạy ở Rennes không lâu. Cuối năm 1965, vợ anh, người biết công việc làm của chồng, đi lại giữa Paris và Genève để nhận thông tin của cấp trên cho anh. Rồi đầu năm 1966, lần này anh phải đi Thụy Sĩ để nhận trực tiếp lệnh của cấp trên lên đường về miền Nam. Anh không đi Genève mà đến tận Lucerne (gần biên giới Đức) để nhận lệnh. An ninh Pháp không hay biết gì cả, tuy lúc đó họ có hồ sơ rõ ràng của từng lãnh đạo

chóp bu Hội Liên hiệp Việt kiều. Người vợ lái xe tiễn chồng ra sân bay về Sài Gòn mà cứ tưởng không phải anh đi thật. Chiều chiều, cùng con nhỏ, chị ngóng nhìn cửa căn hộ, những tưởng nghe thấy tiếng chân anh bước về. Anh rời Paris tháng 2 năm 1966, chỉ sau ít ngày tới từ Berlin đến Paris. Hồi tin tức anh, tôi được hay anh đã về Sài Gòn, để lại vợ con ở Pháp. Tôi không hiểu chuyện gì hết, và không bao giờ lại có thể nghĩ rằng anh là một tinh báo, được cài vào Sài Gòn làm nhiệm vụ.

Về đến Sài Gòn, anh xin dạy ở Trường Đại học Khoa học. Anh thuê một căn hộ ở đường Công Lý. Anh đi dạy học và kiên nhẫn đợi liên lạc đến mang lệnh của cấp trên giao nhiệm vụ hoạt động. Ngày đó đến, nhưng không phải tại Sài Gòn. Anh phải ra Đại học Huế gặp một người tên là Phương Lan. Anh ra Huế, nghĩ mình sẽ gặp một cô gái trẻ và chắc là xinh đẹp, do cái tên Phương Lan gợi nên. Nhưng người tên Phương Lan là một người đàn ông trung niên trông như một nông dân, làm văn thư ở Đại học Huế. Hai mẫu dây đồng hồ đã bị cắt đứt năm 1954 ở cái vùng tự do xa xôi miền Bắc, nay được chấp lại; và từ đó Phương Lan chính là người đưa lệnh của trên đến cho điệp viên Diệp Sơn. Bí danh của anh là Diệp Sơn, Diệp là tên cha – quân y xá trưởng hy sinh năm 1947, Sơn là tên người em trai cũng mất năm 1947. Từ đó, anh xin đi dạy Đại học Huế luôn luôn để gặp cô gái xinh đẹp Phương Lan, như chúng tôi bây giờ linh tỏ chuyên môn để đi dạy tại chức kiếm tiền ở khắp mọi nơi, hết trong Bắc lại ngoài Nam.

Tuy ở riêng, nhưng anh ăn cơm ở nhà cô em vợ có chồng làm tướng đô đốc hải quân. Gia đình vợ anh, với nhiều tướng tá trong quân đội Sài Gòn nhưng có lòng yêu nước, là một vỏ bọc tuyệt vời cho anh, và cũng giúp anh có những tin tức quân sự quan trọng. Anh không nói rõ cho tôi sự giúp đỡ của gia đình nhà vợ, nhưng nghe anh kể, tôi cũng hiểu ra. Xe jeep và lái xe của đô đốc hải quân đưa anh đến biên giới vùng tự do, từ đó anh vào cứ để họp, nghe nhận định

tình hình, nhận lệnh. Mỗi lần như vậy là hàng tháng; sau đó anh lại quay về đường giáp ranh, và lại có xe jeep và lái xe đội, đưa anh về Sài Gòn. Tôi đã bắn khoản không biết có nên kể sự thật như vậy không, nhưng tôi nghĩ giờ nên nói đúng việc xảy ra, để con cháu sau này học sử hiểu rằng trong mỗi người Việt Nam đều có lòng yêu nước. Tôi nhớ mãi không quên câu chuyện giữa hai nhà lãnh đạo Lê Đức Thọ và Chu Ân Lai, gặp nhau sau khi cố vấn Lê Đức Thọ đàm phán xong với Mỹ ở Paris về, tạt qua Trung Quốc. Thủ tướng Chu Ân Lai có nói rằng, trong việc đàm phán, vấn đề phiên dịch là một vấn đề khó mà Trung Quốc gặp phải, vì một phiên dịch chỉ có thể chuyên về hoặc quân sự, hoặc chính trị, hoặc kinh tế ..., chứ không thể biết tất cả. Ông hỏi Việt Nam giải quyết thế nào trong hội nghị Paris? Câu trả lời của cố vấn Lê Đức Thọ: chúng tôi sử dụng cả Việt kiều ở Pháp, mà cả gia đình đi đều di tản vào Nam năm 1954; người Việt Nam ở bất cứ thành phần nào, ngay cả địa chủ hay tư sản, đều có cái chung là lòng yêu nước. Tôi nghĩ khi cố vấn Lê Đức Thọ nói như vậy là nói thật lòng; Việt kiều ở Pháp đã giúp rất nhiều trong hội nghị Paris.

Một lần, để minh họa việc học nhiều lãnh vực ở Pháp đã giúp anh trong công việc tình báo, anh kể một câu chuyện của năm 1970. Anh nghe tướng tá quân đội Sài Gòn nghiên cứu kỹ khí tượng của một vùng. Anh suy ra ngay, nghiên cứu khí tượng có nghĩa sẽ có một cuộc hành quân lớn với nhiều trực thăng, và cuộc hành quân lớn phải là để đánh vào cơ quan đầu não của ta. Nhận định như vậy rồi, phải chuyển tin đi ngay. Không may lúc đó là 9 giờ tối, giờ thiết quân luật. Anh đứng ngồi không yên, đợi trời chóng sáng. 5 giờ sáng, anh đã đi ra ngoài, và chuyển tin đi ngay. Đó là năm 1970. Mười lăm năm sau, trong một chuyến công tác với đoàn Quốc hội sang Campuchia, có tướng Trần Độ. Tôi được nghe ông kể: năm 1970, khi Mỹ đánh úp Trung ương Cục trong một cuộc hành quân lớn, nhờ tình báo kịp đưa tin, nên ta rút an toàn, tiêu đội ở lại để bảo vệ căn cứ đã hy sinh anh dũng. Quân Mỹ nhận được một tấm

ảnh của tướng Trần Độ, mặc quần soóc, chân đi dép lốp, súng ngắn đeo hông, bức ảnh đó đã được đăng trong cuốn hồi ký của một tướng Mỹ dự cuộc hành quân đó. Nhìn bức ảnh đó, tôi lại nghĩ đến chiến công thầm lặng của anh.

Tháng 10 năm 1967, đang ở khu sơ tán Viên Nội - Hà Tây, khoa Toán nhận được lệnh cho GS Đoàn Quỳnh và tôi về Hà Nội để gặp nhà toán học Grothendieck. Ông được giải thưởng Fields năm 1966, và quyết định sang thăm giảng bài ở Việt Nam mặc dù Mỹ đang ném bom miền Bắc. Tuần lễ đầu, ông giảng bài ở Hà Nội. Buổi sáng giảng bài, buổi chiều tiếp các nhà toán học trẻ Việt Nam ở khách sạn Thống Nhất, nay là Métropole-Sofitel. Nhiệm vụ của tôi là dự các buổi gặp gỡ buổi chiều của Grothendieck với các bạn trẻ, và cũng để tìm chân Grothendieck không cho ra ngoài khách sạn vì cảnh giác của thời chiến. Một buổi chiều, tôi cũng định ngủ trưa xong thì đạp xe đến khách sạn. Không ngờ một quá, tôi ngủ quên đến 4 giờ chiều. Sợ quá, tôi vội quàng lấy xe đạp, phóng nhanh đến Thống Nhất. Vừa tới cửa, anh phụ trách an ninh của Grothendieck đã hằm hằm hỏi tôi: “Chị đi đâu mà bây giờ mới đến? Chị có biết là Grothendieck, không nói với ai, tự đến nhà mẹ của Nguyễn Đình Ngọc? Chị có biết Nguyễn Đình Ngọc là ai không? Một anh phản động, học ở Paris, rồi bỏ về Sài Gòn. Bây giờ chị phải làm sao để Grothendieck kể cho chị là ông ta gặp mẹ Nguyễn Đình Ngọc thế nào và nói những gì?” Tôi hoảng quá, lên phòng Grothendieck ngay, hoang mang không biết làm thế nào để ông nói. May quá, khi gặp, ông vui mừng kể cho tôi nghe, ông hỏi đường đi ở lẻ tẻ và dễ dàng tìm thấy nhà mẹ Nguyễn Đình Ngọc. Nhưng buồn là bà cụ không nói tiếng Pháp, còn ông thì không nói được tiếng Việt. Họ chỉ tay bắt mặt mừng, rồi Grothendieck trao cho bà cụ một cái radio, một món quà rất quý thời đó, dùng để nghe tin tức hay nếu cần tiền bán đi thì là cả một món lớn. Tôi cúi kính hỏi Grothendieck là đi sao lại để mọi người biết? Nhà toán học giỏi vào bậc nhất thế giới, nhưng cũng nổi tiếng ngây thơ chuyện đời

trong giới toán học trả lời hóm hỉnh - như trẻ thơ làm được một chiến công mà người lớn cảm - là do đi khoe thành tích nên mọi người mới biết đấy chứ. Tôi báo cáo lại với anh, coi như hoàn thành nhiệm vụ. Sau này, tôi kể chuyện đó với anh, anh phì cười.

Chiến tranh kết thúc năm 1975, tôi đang ở Paris lúc bấy giờ. Tôi đi hỏi mọi người xem có ai trông thấy Nguyễn Đình Ngọc chạy sang Pháp hay Mỹ, tôi đâu có dè lúc đó anh đang nằm ở khu ĐH Thủ Đức trông nom, đợi đoàn tiếp quản vào để giao. Không ai biết anh là ai; còn anh, anh ngoan ngoãn đóng vai công chức “lưu dụng”, đợi người đến. 1976, tôi gặp anh ở ĐH Khoa học Sài Gòn, nhờ một người bạn báo với tôi đến đó có Ngọc ở đấy. Trông anh xanh xao như người bị sốt rét. Anh nói với tôi mấy câu rồi đi ngay, vì ở đó đông người. 1977, anh được điều ra Bắc làm việc, hiện nguyên hình là một trung tá của Bộ Nội Vụ. Anh đến tìm tôi ở ĐH Sư phạm tại Cầu Giấy, và từ đó tôi mới biết dần dần công việc của anh. Đáng lẽ anh còn tiếp tục đi tản đi Mỹ như đã đi tản vào Nam năm 1954. Nhưng vai trò tình báo của anh đã lộ, cảnh sát chuẩn bị bắt anh. May mà quân mình kịp đánh đến giải phóng Sài Gòn.

Phần lớn tình báo của mình, khi chiến tranh kết thúc năm 1975, đều được nghỉ. Nhưng anh thì lại bắt đầu làm công việc sử dụng chuyên môn của mình với các chức vụ Phó Cục trưởng Cục Khoa học và Kỹ thuật, rồi Cục trưởng Cục Khoa học Viễn thông - Tin học ở Bộ Nội vụ, đồng thời chủ tịch của nhiều hội đồng khoa học. Ngoài ra, ở các trường đại học và viện nghiên cứu, có chương trình khoa học nào mà anh thích, anh tham gia tất. Anh làm khoa học như để bổ con thêm, vì đã không được toàn tâm toàn ý với nó do bận làm tình báo trong một thời gian dài. Anh sinh ra để làm khoa học, đó làm ham thích duy nhất của cuộc đời anh. Nhưng vì thù nhà nợ nước, anh đã gác “bút nghiên” để làm nhiệm vụ thiêng liêng cho tới khi hoàn thành, rồi mới lao vào cái say mê lớn nhất của cuộc đời mình. Kết thúc cuộc đời tình báo với lon trung tá, anh tiếp

tục sự nghiệp bằng con đường chuyên môn và được phong thiếu tướng do thành tích khoa học. Người ta nói, con người, từ cô chỉ kim, có ba đam mê: quyền lực, tiền bạc và phụ nữ. Anh thoát khỏi cái vòng kim cô đó, nhưng lại mắc phải cái đam mê của các nhà khoa học lớn, đó là sự say mê khám phá, đưa nhân loại từ bóng đen đốt nát đến với ánh sáng hiểu biết tuyệt vời.

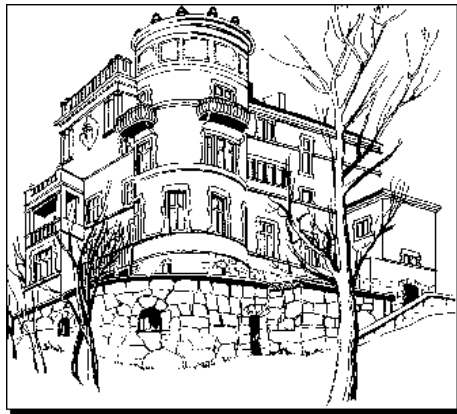
Nguyễn Đình Ngọc người bé nhỏ, nhưng gặp anh, người ta chỉ nhìn thấy bộ mặt khối ngô tuấn tú, cặp mắt hiền-trí thức-hóm hỉnh, nhưng lại đi kèm với cặp lông mày xếch ngược quắc thước, mà tôi thường nghĩ thâm chắc anh hãnh diện với bộ lông mày hiếm có này vì thỉnh thoảng anh lại lấy tay vuốt ngược chúng lên. Con người anh mảnh dẻ, nhưng anh cho người ta cảm tưởng một thể chất phi thường. Anh ăn mỗi ngày một bữa, vào buổi tối, ăn rất nhiều, năm hay sáu bát cơm, có thức ăn thì càng tốt, chỉ có rau cũng không sao. Nhiều đêm anh thường ngủ ngò, thói quen từ thời niên thiếu, sợ ngủ nằm thì thiếp đi ngủ say mất, sẽ lãng phí thời gian. Anh còn có thói quen ngủ ngoài balcon những đêm đông, nằm thẳng trên gạch lót giấy báo, đây cũng là một thói quen tập luyện gian khổ thời làm tình báo - theo anh kể - phải luyện tập gian khổ để nếu bị bắt sẽ chịu đựng được cực hình tra tấn của địch. Anh chỉ quen mặc quần áo cũ, nhưng trông anh lúc nào cũng gọn gàng sạch sẽ - thực ra vì khuôn mặt sáng sủa của anh cho người ta ấn tượng sạch sẽ - chứ anh làm gì có thì giờ nhiều để giặt quần áo. Anh quen đi một cái xe đạp cũ mà mấy cô đồng nát cũng phải chê, nhưng anh rất thoải mái với nó, đi ung dung từ tốn như người thoát tục, ngay cả lúc bị bệnh nặng anh vẫn lấy xe đạp đi trong thành phố. Ngoài lãnh vực chuyên môn của mình, anh hiểu biết rất rộng, lãnh vực nào cũng tham gia góp ý được. Anh thành thạo nhiều ngoại ngữ, dịch trực tiếp rất giỏi.

Nói về anh, anh bảo anh giống tính mẹ anh, hay dỗi và thích làm nũng. Người thân thì bảo anh không có tuổi thơ, bị buộc làm người lớn quá sớm, nên sống như hành xác, cơ thể nó cũng khổ vì phải sống với anh.

Một người bạn thân thuở nhỏ của anh, có lẽ đã xác định anh rõ nhất, đó là anh giống như *Nhìn ra Thế giới*

Con Chó Sói của Alfred de Vigny. Tam biệt anh Nguyễn Đình Ngọc.

VIỆN TOÁN MITTAG-LEFFLER



Viện Toán Mittag-Leffler do nhà toán học kiêm nhà doanh nghiệp Gosta Mittag-Leffler và vợ thành lập năm 1916.

Gosta Mittag-Leffler sinh năm 1846 ở Stockholm, Thụy Điển. Ông nhận bằng Tiến sĩ Toán năm 1872 tại Đại học Uppsala với luận án về Lý thuyết hàm giải tích. Sau đó, Ông tu nghiệp 3 năm tại Paris và Berlin với Hermite, Poincaré và Weierstrass. Năm 1876 Ông trở về Stockholm và đảm nhận chức Giáo sư Toán học đầu tiên của ĐH Stockholm. Tại đây Ông đã sáng lập ra Tạp chí toán học quốc tế Acta Mathematica rất nổi tiếng. Hiện nay tạp chí này vẫn tiếp tục được xuất bản và là một trong hai tạp chí chính thức của Viện Mittag-Leffler.

Ngoài Toán học, Mittag-Leffler còn có sở thích sưu tập sách. Với một tài sản lớn mà vợ Ông được thừa kế và với những thành công trong kinh doanh của chính mình, Ông có đủ tiền để có thể mua mọi quyền sách mà Ông muốn mua và là chủ nhân của một bộ sưu tập sách quý và rất phong phú. Ông cho xây dựng một lâu đài rất đẹp tại Djursholm, thuộc ngoại ô phía bắc Stockholm, vừa để ở vừa là nơi để bộ

sưu tập sách quý của Ông. Năm 1916, tại buổi Lễ sinh nhật lần thứ 70 của mình, Mittag-Leffler đã lập một Quỹ để thành lập một Viện Toán học lý thuyết dành cho các nước thuộc vùng bán đảo Scandinavia, cấp học bổng rộng rãi khuyến khích các nhà toán học trẻ đến Viện học tập và nghiên cứu, lập một thư viện lớn tại Djursholm. Mọi công việc sau đó đã được triển khai đều đặn và có kết quả với sự tài trợ của Mittag-Leffler cho đến năm 1922. Năm 1922, thế giới lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế, công việc kinh doanh của Ông bị phá sản và sau đó là cái chết của Ông vào năm 1927, đã hầu như chấm dứt quá trình thực hiện kế hoạch của Mittag-Leffler. Viện Mittag-Leffler trong nhiều thập kỷ tiếp theo, đã tồn tại như một viện khoa học ngủ quên, còn lâu đài Djurskolm bị bỏ trống, cho đến tận năm 1969.

Năm 1969 Lennart Carleson được bổ nhiệm làm Viện trưởng mới của Viện Mittag-Leffler. Ông đã bắt tay vào xây dựng lại Viện theo như ý nguyện của Mittag-Leffler. Ông đã tìm được nguồn tài trợ mới từ Quỹ Wallenberg và từ các chính phủ Thụy Điển, Phần Lan, Đan Mạch và Na Uy. Toà lâu đài tại Djursholm được sửa chữa lại thành trụ sở làm việc của Viện Toán. 17 căn hộ đã được xây dựng mới quanh lâu đài cũ để làm chỗ ở cho khách. Về khoa học, mỗi năm Viện chọn một hoặc hai chủ đề chính và mời các chuyên gia đầu ngành về các vấn đề này đến Viện làm xêmina trong thời gian một hoặc hai tháng. Viện cấp nhiều học bổng cho các nhà toán học trẻ từ khắp nơi trên thế giới đến tham gia các sinh hoạt khoa học của Viện. Viện có một thư viện vào loại tốt nhất thế giới. Carleson đã làm viện trưởng cho đến năm 1984 và đã để lại một Viện Mittag-Leffler đang trên đà phát triển.

Ngày nay Viện Mittag-Leffler là một Trung tâm toán học có uy tín và rất hấp dẫn
Tin Toán học thế giới

BAN ĐIỀU HÀNH CỦA LĐTHTG HỢP

Từ 27-28 tháng 2 năm 2006, tại Berlin, Ban Điều hành của LĐTHTG đã họp để xem xét các công tác chuẩn bị cho ICM-2006 tại Madrid, Tây Ban Nha và thông qua các đề nghị sửa đổi Điều lệ của LĐTHTG sẽ trình Đại Hội đồng LĐTHTG. Đại Hội Đồng sẽ họp trước ngày khai mạc ICM-2006.

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÀO MỪNG ICM-2006

Cuộc sống của các con số. Đó là tên một Triển lãm phác họa lại lịch sử phát triển của các con số thông qua các sách báo và các ấn phẩm. Triển lãm sẽ được tổ chức tại Thư viện Quốc gia Tây Ban Nha trong thời gian từ Tháng 6 - Tháng 9 năm 2006.

Lịch sử các Hội nghị toán học thế giới. Triển lãm giới thiệu 24 kỳ Hội nghị Toán học Thế giới (ICM), bắt đầu từ ICM lần thứ nhất tổ chức tại Zurich năm 1897. Triển lãm sẽ được trưng bày tại tiền sảnh của ICM-2006.

Toán học thực nghiệm. Triển lãm “Experiencing Mathematics” có nguồn gốc từ một triển lãm cùng tên do LĐTHTG tổ chức nhân dịp năm Toán học Thế giới (năm 2000). Triển lãm được tổ chức tại Centro cultural Conde Duque, Madrid, tháng 8 - tháng 10 năm 2006.

Các công trình của Archimedes. Là tên một ấn phẩm (dịch và chú thích) phát hành chào mừng ICM-2006.

Nghệ thuật fractal: vẽ đẹp và Toán học. Triển lãm các tác phẩm của các “Nghệ sĩ Fractal” nổi tiếng trên thế giới. Triển lãm sẽ diễn ra tại Centro Cultural Conde

của châu Âu và của thế giới.

Duque và trong khuôn viên của ICM-2006.

Châu báu của Toán học: El Escorial và thư viện. Một chương trình đi thăm Tu viện El Escorial và Thư viện của Tu viện trong khoảng 4 giờ. Xuất phát lúc 10 giờ, tại tiền sảnh của nhà Hội nghị, vào các ngày 24 - 29 tháng Tám.

Démo các chương trình máy tính. Triển lãm “đề mô” các chương trình máy tính được viết bằng các ngôn ngữ bậc cao, có khả năng vẽ đồ thị với hiệu năng cao, luôn chạy trong thời gian thực, chiếm dung lượng nhớ tối thiểu trong máy tính, khoảng 64 K. Nơi triển lãm: trong khuôn viên của nhà Hội nghị.

GIẢI ABEL-2006

Ngày 23 tháng Ba, 2006, Viện Hàn lâm Na Uy thông báo Giải Abel-2006 được trao tặng cho Lennart Carleson, Viện Kỹ thuật Hoàng gia Thụy Điển. L. Carleson đã có những đóng góp rất quan trọng trong Giải tích điều hòa và trong các Hệ động lực trơn. Đích thân nhà vua Na Uy Harald và Hoàng hậu đã trao giải Abel-2006 cho Lennart Carleson tại một buổi Lễ được tổ chức trọng thể tại Oslo vào ngày 23 tháng Năm, 2006. Giải trị giá 6 triệu Kroner (tiền Na Uy), tương đương với 900.000\$. L. Carleson đã từng là Viện trưởng Viện Toán Mittag-Leffler (Thụy Điển) từ 1968-1984 và Chủ tịch LĐTHTG (IMU), từ 1978-1982.

THÔNG BÁO VỀ GIẢI THƯỞNG RAMANUJIAN-2006

Trung tâm Vật lý Lý thuyết Abdus Salam (ICTP) thông báo mời các nhà toán học trẻ đang làm việc tại các nước đang phát triển đăng ký tham dự Giải thưởng Ramanujan-2006. Giải trị giá

10.000 đôla Mỹ và tiền chi trả cho một chuyến đến thăm ICTP để nhận giải. Người đoạt giải sẽ được mời làm một báo cáo khoa học giới thiệu về công trình được giải của mình trong buổi Lễ nhận giải tại ICTP. Giải do quỹ Giải thưởng Abel tài trợ. Giải được xét hàng năm, và người dự giải phải ít hơn 45 tuổi tính đến 31 tháng 12 của năm xét giải. Mọi chuyên ngành toán học đều được hoan nghênh và chấp nhận. Giải được xét trao cho một cá nhân. Trong trường hợp công trình được giải do nhiều người cùng thực hiện, giải sẽ được chia đều cho các tác giả. Một tiểu ban xét giải thường gồm 5 nhà toán học có uy tín sẽ do ICTP và LĐTHTG mời.

Hồ sơ đăng ký cần trình bày rõ và đầy đủ chi tiết về công trình đề nghị xét giải. Nên có 2 thư giới thiệu kèm theo. Hồ sơ xin gửi về địa chỉ director@ictp.trieste.it trước ngày 31 Tháng 7 năm 2006.

EMS WEEK-ENDS 2005 và 2006

“Week-End 2005” của Hội Toán học châu Âu (EMS) đã diễn ra tại Barcelona, từ 16 -18 tháng 9 năm 2005. Có tất cả 167 nhà toán học tham dự, trong đó 93 nhà toán học Tây Ban Nha, 167 nhà toán học từ các nước khác của châu Âu. Các chủ đề chính của hội nghị bao gồm: Tổ hợp và Lý thuyết đồ thị, Phương trình đạo hàm riêng và Phép tính biến phân, Lý thuyết các Môđun và Các biểu diễn của các đại số và của các Hình học không giao hoán. Chương trình được xây dựng trên các chủ đề trên với 5 báo cáo mời toàn thể và 5 minisymposium, mỗi minisymposium có 5-6 báo cáo.

“Week-End 2006” của Hội Toán học châu Âu (EMS) được tổ chức tại Nantes (Pháp), từ 16-18 tháng 6, 2006. Chủ đề chính của Weekend Toán học lần này gồm: Các bài toán ngược, Ngẫu nhiên trên phạm vi lớn (Large scale stochastic), Hình học đại số phức, Giải tích toàn cục, Đa tạp đại số thực. Về “EMS Week-Ends”, bạn đọc có thể tìm hiểu thêm trong THTH tập 9(2005), số 3.

GIẢI THƯỞNG KING FAISAN-2006

Hai nhà Toán học Simon Donaldson, ĐH Imperial College, London và M. S. Narasimhan, Viện Nghiên cứu Cơ bản Tata, Mumbai, vừa được nhận chung Giải thưởng quốc tế King Faisan-2006 về khoa học. Giải trị giá 200.000 đôla Mỹ. Donaldson nghiên cứu về tôpô vi phân bốn chiều, khám phá ra các hiện tượng mới nhờ áp dụng các ý tưởng từ lý thuyết chia độ (gauge theory). Donaldson cũng có những đóng góp quan trọng trong hình học phức và giải tích toàn cục các phương trình đạo hàm riêng trên các đa tạp. Narasimhan là người đi tiên phong trong nghiên cứu các không gian môđun của các bó vectơ chính hình trên các đa tạp chiếu. Công trình của Ông là xuất phát điểm của tương ứng Kobayashi-Hitchin, cho ta mối liên quan giữa hình học vi phân và hình học đại số của các bó vectơ trên các đa tạp phức.

GHẾ GIÁM ĐỐC CIMPA CÒN TRỐNG

CIMPA (Centre International de Mathématique Pure et Appliquées) thông báo chức vụ Giám đốc mới, bắt đầu từ 1 tháng 10 năm 2006, hiện còn trống. Hồ sơ ứng cử gồm một CV và một đơn ứng cử, xin gửi về CIMPA. Về CIMPA và các hoạt động của nó, bạn đọc có thể tìm hiểu thêm tại THTH, tập 9(2005), số 3.

R. LANGLANDS ĐOẠT GIẢI THƯỜNG NEMMER-2006

Robert P. Langlands, giáo sư Toán, Viện Nghiên cứu cấp cao Princeton (Institute for Advanced Study) đã đoạt giải Nemmer-2600 về Toán học của Đại học Northwestern do có “Sự nhìn nhận cơ bản (fundamental vision) liên quan đến lý thuyết biểu diễn, các dạng tự đẳng cấu và lý thuyết số. Cách nhìn nhận như vậy được đề cập đến trong chương trình Langlands”. Giải trị giá 100.000\$.

R. Langlands cũng đã nhận được nhiều giải thưởng quan trọng khác như Giải Steele-2005 của Hội Toán học Mỹ (AMS), Giải thưởng Cole-1988 về Lý thuyết số, Giải thưởng của Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia Mỹ năm 1988 và Giải thưởng Wolf (1995-96). Bạn đọc có thể tham khảo thêm về “Chương trình Langlands” trong TTTH, tập 9(2005), số 3.

VỀ GIẢ THUYẾT POINCARÉ

Đây là một trong 7 bài toán thiên niên kỉ do Viện Toán học Clay lựa chọn và trao giải thưởng 1 triệu đô la Mỹ cho ai giải được (xem TTTH Tập 5(2001), Số 1, tr. 6-9). Trong TTTH đã một số lần đề cập tới việc giải Giả thuyết này (xem Tập 7(2003), Số 1-2, Tập 8(2004), Số 1). Có thể tóm tắt lại như sau: Cuối năm 2002 và đầu năm 2003, nhà toán học Nga G. Perelman đã công bố một tiên đoán chứa lời giải Giả thuyết này. Tuy nhiên công trình đồ sộ này chưa hoàn chỉnh: một số chứng minh chưa

chi tiết, và thỉnh thoảng còn có chỗ sai sót – nhưng sau một thời gian người ta đều chữa được. Vì vậy gần 4 năm trôi qua vẫn chưa ai kết luận liệu công trình của Perelman đã giải quyết trọn vẹn Giả thuyết Poincaré hay chưa?

Đầu tháng 6 này xuất hiện hai bài báo dài với mục đích chứng minh rằng công trình của Perelman đã giải quyết trọn vẹn Giả thuyết Poincaré. Đó là bài "A Complete Proof of the Poincaré and Geometrization Conjectures - Application of the Hamilton-Perelman Theory of the Ricci Flow," của Huai-Dong Cao và Xi-Ping Zhu ([Asian Journal of Mathematics](#), June 2006) và "Notes on Perelman's Papers," của Bruce Kleiner và John Lott ([ArXiv:math.DG/0605667v1,25/5/2006](#)).

Một chi tiết thú vị là bài báo thứ 2 mới ở dạng tiền ấn phẩm, còn bài báo đầu đã đăng trên tạp chí chính thức, nhưng tạp chí này ít uy tín. Không hiểu giới toán học sẽ quyết định về độ tin cậy của các bài báo này như thế nào?

VỀ CUỘC THI Olympic Toán học sinh viên toàn quốc năm 2006

Phạm Thế Long (*Học viện Kỹ thuật quân sự*)

Nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy và học toán, đồng thời góp phần phát hiện, bồi dưỡng các sinh viên giỏi toán các trường đại học và cao đẳng, hơn 10 năm qua Hội Toán học Việt Nam đã phối hợp cùng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội Sinh viên Việt Nam đồng tổ chức Olympic Toán học sinh viên toàn quốc. Hoạt động này những năm gần đây đã thu hút hàng trăm sinh viên và đã trở thành một trong những phong trào nhận được sự quan tâm sâu rộng của tất cả các trường đại học và cao đẳng trong cả nước.

Vừa qua, từ ngày 26-29/04/2006, Olympic Toán học Sinh viên toàn quốc lần thứ 14 (OLP'14) đã được tổ chức thành công tốt đẹp tại Đại học Đà Nẵng. Cuộc thi đã thu hút 653 sinh viên của 70 trường Đại học và Cao đẳng cả nước tham dự. Cùng với sự tài trợ của đơn vị đăng cai, một số cơ quan đơn vị, đặc biệt là Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Tổng Công ty đường sắt Việt Nam và Công ty Điện Toán – Truyền số liệu VDC (trực tiếp là Trung tâm VDC3) đã có những hỗ trợ hết sức

thiết thực cho các sinh viên giỏi toán các trường đại học và cao đẳng.

Trên cơ sở kết quả thi, Ban Tổ chức OLP'14 đã quyết định trao các giải chính thức của cuộc thi như sau:

Đại số: 12 Giải nhất, 28 Giải nhì và 52 Giải ba. Tổng cộng có 92 em đoạt giải chính thức trên tổng số 325 em dự thi.

Giải tích: 17 Giải nhất, 28 Giải nhì và 57 Giải ba. Tổng cộng có 102 em đoạt giải chính thức trên tổng số 328 em dự thi.

Ngoài ra còn nhiều em được trao giải khuyến khích.

Danh sách các em đoạt Giải nhất môn Đại số

Hồ Sỹ Dương (Học viện KT Quân sự)
Nguyễn Văn Lương (ĐH Hồng Đức)
Lê Nhật Triều (Đại học KHTN-ĐHQG TP. Hồ Chí Minh)
Nguyễn Hữu Phúc (Học viện KT Quân sự)
Lê Đình Huy (ĐHBK Hà Nội)
Nguyễn Kim Sơn (Đại học KHTN-ĐHQG Hà Nội)
Phạm Trung Đoàn (ĐHBK Hà Nội)
Phạm Việt Hùng (ĐHSP Hà Nội)
Phùng Văn Thắng (Học viện Công nghệ BCVT Hà Nội)
Nguyễn Thành Vinh (ĐH Giao thông-Vận tải Hà Nội)
Nguyễn Tuyết Mai (ĐHSP Hà Nội)
Phạm Thanh Hà (Học viện Tài chính)

Danh sách các em đoạt Giải nhất môn Giải tích

Nguyễn Hữu Phúc (Học viện KT Quân sự)
Nguyễn Đức Thịnh (ĐH Xây dựng Hà Nội)
Lữ Hoàng Chinh (ĐHSP TP. Hồ Chí Minh)
Nguyễn Quốc Tuấn (ĐHSP Hà Nội 2)
Cao Thị Tình (ĐH Ngoại Thương)
Phạm Anh Minh (ĐHSP Hà Nội)
Đình Cao Duy Thiên Vũ (ĐHKHTN-ĐHQG TP. Hồ Chí Minh)
Đương Mạnh Cường (ĐHBK Hà Nội)
Lê Đình Huy (ĐHBK Hà Nội)
Nguyễn Bách Khoa (Học viện Tài chính)
Nguyễn Bảo Trân (ĐH Quy Nhơn)
Nguyễn Mạnh Cường (ĐH Vinh)
Phạm Quang Khải (ĐHSP Hà Nội)
Quách Văn Chương (ĐHSP TP. Hồ Chí Minh)
Trần Quốc Hoàn (ĐH Công nghệ)
Trần Trung Kiên (ĐHBK Hà Nội)
Trần Viết Ngải (ĐH Xây dựng Hà Nội)

Tại lễ tổng kết và trao giải, Cờ luân lưu tổ chức Olympic Toán học Sinh viên toàn quốc năm 2007 đã được trao cho Trường Đại học Vinh. Dự kiến, trong năm tới, một số hoạt động nhân dịp kỷ niệm 15 năm Olympic Toán học Sinh viên cũng sẽ được tổ chức. Với những kinh nghiệm đã có, với sự hỗ trợ của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các nhà tài trợ, tin rằng Olympic lần thứ 15 năm tới chắc chắn sẽ thành công tốt đẹp.

TIN TỨC HỘI VIÊN VÀ HOẠT ĐỘNG TOÁN HỌC

Viện Toán học tuyển nghiên cứu viên

Viện Toán học (Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam) có nhu cầu tuyển 08 viên chức ngạch nghiên cứu viên chuyên ngành Toán học.

Đối tượng: Nếu chưa có bằng tiến sĩ Toán học, phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

+ Là sinh viên tốt nghiệp ngành Toán, nếu ở trong nước phải học tại một

trường đại học công lập hệ chính qui, có điểm trung bình các môn Toán (lần thi thứ nhất) trong thời gian học đại học là 7,5 trở lên.

+ Đối với các ứng viên chưa từng nghiên cứu hoặc giảng dạy ở Viện hoặc trường đại học phải mới tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ chưa quá 2 năm.

+ Có thư giới thiệu của một nhà toán học.

Thời gian tổ chức thi tuyển: nửa đầu tháng 8 năm 2006.

Thời gian nhận hồ sơ: từ 03 tháng 7 đến 21 tháng 7 năm 2006 tại Viện Toán học.

Để tìm hiểu thông tin chi tiết và mẫu hồ sơ xin liên hệ:

Phòng Quản lý Tổng hợp - Viện Toán học
18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy Hà Nội
Điện thoại: 7563474 (số máy lẻ: 205)

Việt Nam tổ chức thi Toán quốc tế IMO-2007

Ngày 12 tháng 5 năm 2006, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo đã ký quyết định thành lập Ban tổ chức Olympic Toán học quốc tế lần thứ 48 năm 2007 do Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo GS-TSKH Trần Văn Nhung làm trưởng ban. Trong số 5 phó trưởng ban có GS-TSKH Hà Huy Khoái, Viện trưởng Viện Toán học làm phó trưởng ban thường trực và hai nhà toán học khác là GS-TSKH Nguyễn Văn Mậu, Hiệu trưởng Trường ĐHKHTN (ĐHQG Hà Nội) và GS-TSKH Phạm Thế Long, Chủ tịch Hội Toán học Việt Nam.

Ngày 25 tháng 5 năm 2006, dưới sự chủ trì của GS-TSKH Trần Văn Nhung, Bộ GD&ĐT đã họp báo công bố việc nước ta đăng cai tổ chức IMO-2007 tại một phòng họp của Bộ.

Việt Nam lần đầu tiên dự tham gia thi IMO vào năm 1974 và hầu như luôn đứng trong Top Ten. Kỳ thi IMO-2007 là kỳ thi thứ 48. Đây là lần đầu tiên nước ta đăng cai là chủ nhà. Cho đến nay chỉ có Rumania - nơi diễn ra IMO lần thứ nhất năm 1959 - đã 5 lần tổ chức IMO, còn phần lớn các nước từng tổ chức cũng mới chỉ mới một lần.

Một năm chuẩn bị là rất hạn hẹp thời gian. Do đó Hội Toán học Việt Nam chắc chắn phải huy động nhiều hội viên tham gia công tác này. Hai tuần đầu tháng 7 tới, một đoàn quan sát viên gồm 11 người do GS-TSKH Hà Huy Khoái dẫn đầu sẽ sang Slovenia - nơi tổ chức IMO-2006 - để quan sát và học hỏi kinh nghiệm.

Dẫn đoàn học sinh Việt Nam năm nay dự IMO-2006 là PGS-TSKH Vũ Đình Hòa.

Xét chọn các đề tài nghiên cứu cơ bản

Quy trình xét chọn các đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên năm 2006 có khác so với các năm vừa qua. Ngày 17 tháng 5 năm 2006, Bộ Khoa học và Công nghệ đã ra quyết định thành lập Hội đồng khoa học cấp nhà nước để xét chọn các đề tài này. Hội đồng do GS-TSKH Đào Trọng Thi làm chủ tịch và có 11 thành viên. Trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng, Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ ra quyết định duyệt và cấp kinh phí hoạt động cho những đề tài đáp ứng đủ các yêu cầu. Dự kiến trong tháng 7 sẽ có quyết định này.

Trách nhiệm mới

GS-TSKH Ngô Văn Lược được cử làm Phó hiệu trưởng trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu. Đây là một trường đại học đa cấp vừa được chính phủ cho phép thành lập, tổ chức và hoạt động theo qui chế của một trường đại học tư thục.

Một nghiên cứu sinh Việt Nam nhận Giải thưởng Viện Toán Courant

Viện Toán Courant, ĐH New York, Mỹ, vừa công bố các giải thưởng năm 2006, trong đó Lê Quang Năm, NCS Việt Nam tại Viện, đã đoạt giải thưởng Harold Grad Memorial Prize dành cho NCS xuất sắc và có triển vọng. Viện Toán Courant là một Viện Toán ứng dụng hàng đầu thế giới, nơi sản sinh ra nhiều tên tuổi lớn về Toán ứng dụng và Khoa học Tính toán. Mỗi năm Viện tuyển 15 NCS. Lê Quang Năm đã đạt được học bổng của Quỹ Giáo dục Việt Nam (VEF) của Hoa Kỳ và đến Viện Courant năm 2004. Anh là NCS Việt Nam đầu tiên của Viện, sau Năm hiện đã có thêm 2 NCS Việt Nam nữa đến học ở Viện Courant.

(theo Dântri.com.vn, ngày 11/5/2006)

Thông báo số 2

Hội thảo khoa học: HỆ MỜ, MẠNG NƠN VÀ ỨNG DỤNG LẦN 1
Viện Toán học, 8 - 9 tháng 11 năm 2006

Tổ chức bởi

- Viện Toán học (VTH)
- Viện Công nghệ thông tin (VCNTT)
- Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHCN)
- Trung tâm tính toán hiệu năng cao, Đại học Bách Khoa Hà Nội (ĐHBK)
- Phân hội “Hệ mờ Việt Nam”, trực thuộc Hội Toán học Việt Nam (HHM)

Ban Chương trình: Nguyễn Khoa Sơn (VKHCNVN, Trưởng ban), Nguyễn Cát Hồ (VCNTT, đồng Trưởng ban), Phạm Kỳ Anh (ĐHQGHN), Lê Hoài Bắc (ĐHQG Tp.HCM), Bùi Công Cường, Nguyễn Quang Hoan (BCVT), Lê Hải Khôi (VCNTT), Phạm Thế Long (HVKTQS), Lê Bá Long (BCVT), Lương Chi Mai (VCNTT), Phan Xuân Minh (ĐHBK), Nguyễn Hoàng Phương (BYT và HHM), Tống Đình Quý (ĐHBK), Trịnh Nhật Tiến (ĐHCN), Hoàng Chí Thành (ĐHQGHN), Hà Quang Thụy (ĐHCN), Cao Hoàng Trụ (ĐHBK Tp.HCM), Nguyễn Thanh Thủy (ĐHBK).

Ban Tổ chức: Bùi Công Cường (Trưởng ban), Lê Hải Khôi, Trần Đình Khang (ĐHBK), Phan Trung Huy (ĐHBK), Nguyễn Doãn Phước (ĐHBK).

Ban Thư kí: Phí Anh Quân (BCA, Trưởng ban), Lê Thu Hoài (ĐHBK), Hồ Khánh Lê (ĐHCN)

Liên hệ đăng kí tham dự

Ban thư kí hội thảo : Phí Anh Quân , e-mail: anhquan71@fpt.vn, hay bccuong@math.ac.vn

Thời hạn đăng kí báo cáo: Tóm tắt báo cáo : 15/8/2006; Báo cáo toàn văn: 15/9/2006; Chấp nhận báo cáo: 20/10/2006

Quy định soạn thảo và gửi bài: Đăng kí tham gia Hội thảo và gửi tóm tắt báo cáo bằng tiếng Việt và tiếng Anh (không quá 200 từ) trước ngày 15/8/2006. Báo cáo toàn văn không quá 6 trang vì tính khổ A4, chia 2 cột, phông chữ VnTime —12pt, căn lề trên 2,5 dưới 2,5, trái 3, phải 2 cm và gửi theo e-mail trước ngày 15/9/2006.

Hội thảo phí: Hội thảo phí 100.000 VNĐ/ 1 người. Miễn phí với sinh viên

Các tiểu ban của Hội thảo

- | | |
|---|---|
| 1. Lý thuyết tập mờ và ứng dụng
Trưởng tiểu ban: PGS.TS. Cao Hoàng Trụ (ĐHBK TP.HCM) | Trưởng tiểu ban: PGS.TS. Phan Xuân Minh (ĐHBK HN) |
| 2. Logic mờ
Trưởng tiểu ban: TS. Trần Đình Khang (ĐHBK HN) | 4. Mạng nơron và ứng dụng
Trưởng tiểu ban: TS. Lương Chi Mai (VCNTT) |
| 3. Hệ mờ và điều khiển mờ | 5. Tính toán mềm và các hệ thống minh
Trưởng tiểu ban: PGS.TS. Nguyễn Thanh Thủy (ĐHBK HN) |

Mẫu đăng kí tham dự Hội thảo

- Họ và tên:
- Cơ quan:
- Địa chỉ, điện thoại, e-mail:
- Có báo cáo hay không:
- Tóm tắt:

Kí tên

Thông báo

Hội thảo khoa học
MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHƯƠNG TRÌNH VI TÍCH PHÂN
Ba Vì - Hà Tây, Thứ bảy- ngày 7/10/2006

Mục đích: Đây là một hội thảo kỉ niệm 75 năm ngày sinh của Giáo sư Nguyễn Đình Trí, chủ tịch Hội Toán học Việt Nam trong các năm 1988-1994. Mục đích khoa học của nó là trình bày tổng quan một số thành tựu của Lý thuyết phương trình vi tích phân và các ứng dụng của nó ở trên thế giới và trong nước trong thời gian 20 năm trở lại đây.

Đơn vị tổ chức: Hội Toán học Việt Nam.

Ban tổ chức: Lê Tuấn Hoa (Viện Toán học, trưởng ban), Phạm Thế Long (Học viện Kỹ thuật quân sự), Nguyễn Văn Mậu (Đại học Khoa học tự nhiên - ĐHQG Hà Nội), Hà Tiến Ngoạn (Viện Toán học), Tống Đình Quì (Đại học Bách khoa Hà Nội) và Lê Hùng Sơn (Đại học Bách khoa Hà Nội).

Báo cáo viên: Nguyễn Văn Mậu (Đại học Khoa học tự nhiên - ĐHQG Hà Nội), Hà Tiến Ngoạn (Viện Toán học) và Lê Hùng Sơn (Đại học Bách khoa Hà Nội).

Chương trình cụ thể:

6h45 — 7h: tập trung trước cổng Viện Toán học. Đại biểu nào đi xe máy có thể gửi xe tại nhà xe của Viện KH&CNVN (BTC sẽ trả tiền vé gửi xe!)

7h: xe khởi hành đi Ba Vì

8h30-11h30: Hội thảo

11h30-13h30: Giải lao

13h30-16h30: Hội thảo bàn tròn và tham quan

16h30: trở về Hà Nội

Thời hạn đăng kí: Trước ngày 7/9/2006.

Địa chỉ liên hệ: Lê Tuấn Hoa

Viện Toán học 18 Hoàng Quốc Việt Hà Nội

Fax 7564303; E-mail: hthvn@math.ac.vn

Lưu ý: Ban tổ chức Hội thảo sẽ tổ chức xe đưa đón đại biểu đi từ Hà Nội lên Ba Vì và trở lại. Sau khi nhận được Phiếu đăng kí (qua bưu điện hoặc E-mail), Ban tổ chức sẽ xem xét và gửi giấy mời tới Quý vị đại biểu.

Phiếu đăng kí tham dự Hội thảo

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHƯƠNG TRÌNH VI TÍCH PHÂN”

- Họ và tên:

- Cơ quan:

- Địa chỉ, điện thoại, e-mail:

Kí tên

ĐIỂM SÁCH

LTS: Chúng tôi dành chuyên mục này để nhờ các chuyên gia điểm lại các sách mới xuất bản có liên quan đến Toán học trong và ngoài nước. Chúng tôi cũng mong nhận được các giới thiệu và đánh giá của các nhà chuyên môn khác. Mọi ý kiến đánh giá do tác giả viết nhận xét chịu trách nhiệm.

Các giới thiệu sách chỉ được in một khi Ban biên tập có sách trong tay (do đặt mua hoặc là quà biếu; Địa chỉ gửi sách: Thông Tin Toán học, Viện Toán học, 18 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội). Viết tắt dưới đây: người nhận xét (Nnx).

Một số vấn đề trong lý thuyết tối ưu đa trị. Tác giả Nguyễn Xuân Tấn và Nguyễn Bá Minh, NXB Giáo dục, 2006, 214 trang, 30 000 đồng. Nnx: Phạm Hữu Sách

Lý thuyết các bài toán cân bằng đa trị đã phát triển rất mạnh mẽ trong những thập kỷ gần đây. Theo hướng nghiên cứu này, nhiều nhà toán học Việt Nam trong đó có PGS-TSKH Nguyễn Xuân Tấn (Viện Toán học) và TS Nguyễn Bá Minh (Đại học Thương mại) đã có những đóng góp có giá trị được các đồng nghiệp trong và ngoài nước thừa nhận. Cuốn sách “Một số vấn đề trong lý thuyết tối ưu đa trị” của các tác giả Nguyễn Xuân Tấn và Nguyễn Bá Minh cung cấp những kiến thức và kết quả mới về ánh xạ đa trị mà chính các tác giả này đã công bố trong khoảng 5 năm gần đây trên các tạp chí toán học có uy tín. Cuốn sách trình bày tỉ mỉ một số lớp ánh xạ đa trị quan trọng trong các không gian vô hạn chiều được xếp thứ tự bộ phận, các điều kiện tối ưu cấp 1 và cấp 2 và các kết quả thú vị về sự tồn tại nghiệm trong các bài toán tối ưu và cân bằng vectơ được xác định bởi các ánh xạ đa trị. Cuốn sách mở ra các ý tưởng và phương hướng nghiên cứu có nhiều triển vọng trong lý thuyết các ánh xạ đa trị. Đây là một tài liệu tốt và bổ ích cho các nhà nghiên cứu và các sinh viên có quan tâm đến lý thuyết tối ưu và giải tích đa trị.

Đại số Tuyến tính qua các ví dụ và bài tập. Tác giả: Lê Tuấn Hoa. NXB: ĐH Quốc gia HN, 2006, 448 trang, 39.000 đồng. Giới thiệu sách của Viện Toán học.

Với hơn 100 ví dụ và 800 bài tập đề cập tới hầu hết mọi khía cạnh của Đại số tuyến tính, đây là một quyển sách bài tập đầy đủ

nhất bằng tiếng Việt về môn học này. Sách được viết bởi một chuyên gia có nhiều năm kinh nghiệm nghiên cứu và giảng dạy. Điểm độc đáo của quyển sách là cung cấp một cách hệ thống các phương pháp giải bài tập, đồng thời cho một tóm tắt đầy đủ nhưng cô đọng các nội dung lý thuyết của môn học. Các khái niệm, kết quả cũng như phương pháp giải được minh họa bởi các ví dụ sẽ giúp cho sinh viên hiểu kỹ hơn Đại số tuyến tính. Mỗi bài tập đều có chỉ dẫn hoặc lời giải. Đó là một trợ giúp đắc lực cho bạn đọc. Có thể xem đây là một quyển sách gối đầu giường cho tất cả sinh viên yêu thích môn Toán.

Hàm thực và Giải tích hàm. Tác giả: Hoàng Tụy. NXB: ĐH Quốc gia HN, 2005, 448 trang, 39.000 đồng. Giới thiệu sách của Viện Toán học.

Cuốn sách này vốn có tựa đề “Giải tích hiện đại” trong những lần in trước là giáo trình về hàm thực và giải tích hàm đã dạy ở ĐHTH Hà Nội những năm 1959-1968. Sách đã được xuất bản lần đầu tiên năm 1966, sau đó được sửa chữa bổ sung và in lại ba lần, lần thứ ba năm 1979 (ba tập I,II,III). Lần in thứ tư (năm 2003), nội dung cơ bản vẫn giữ như cũ, chỉ có một số sửa đổi và bổ sung mà chủ yếu là những phần liên quan fractal, và các điểm bất động (các định lý Caristi, Ekeland, Nadler) là những vấn đề mới nhưng nay đã trở thành kinh điển. Đồng thời để giữ cho cuốn sách không quá dày, phải tạm gác lại một phần như lý thuyết cực trị và phép biến đổi Fourier, sau này sẽ được trình bày đầy đủ hơn thành những tài liệu riêng.

Trong bản in lần này có chú ý sửa chữa những lỗi in sai và cải tiến vài chỗ chứng minh trong bản in năm 2003.

Mục lục

Jean Mawhin <i>Henri Poincaré: Cuộc đời phục vụ khoa học (phần 2)</i> ..3	
Nguyễn Xuân Sanh <i>Giáo sư Đặng Đình Áng, một nhà toán học lớn, một người thầy tận tụy, một nhạc sĩ say mê</i>5	
Phạm Trà Ân <i>Lennart Carleson, Giải thưởng Abel-2006</i>9	
Hoàng Xuân Sính <i>Nguyễn Đình Ngọc: một cuộc đời</i> 11	
Nhìn ra thế giới: <i>Viện Toán Mittag-Leffler</i> 17	
Tin toán học thế giới 18	
Phạm Thế Long <i>Về cuộc thi Olympic Toán học sinh viên toàn quốc năm 2006</i>20	
Tin tức hội viên và hoạt động toán học.....21	
Thông báo Hội thảo: <i>Hệ mờ, mạng nơron và ứng dụng lần 1</i>23	
Thông báo Hội thảo: <i>Một số vấn đề về phương trình vi tích phân</i>24	
Điểm sách25	